

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**  
**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**  
**HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

**Năm 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

Ngày 04 tháng 4 năm 2024  
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG  
TỈNH GIA LAI  
(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Minh Trung**

Ngày 28 tháng 3 năm 2024  
ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ THIỆN  
(Ký tên, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Sang**

## MỤC LỤC

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ .....</b>	<b>1</b>
1. Mục tiêu:.....	4
2. Yêu cầu:.....	4
3. Phạm vi thực hiện:.....	5
4. Phương pháp thực hiện:.....	5
5. Cơ sở pháp lý:.....	6
5.1. Căn cứ pháp lý:.....	6
5.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ: .....	7
6. Tổ chức thực hiện.....	9
7. Bộ cục của Báo cáo thuyết minh:.....	10
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI ....</b>	<b>11</b>
<b>I. Khái quát về điều kiện tự nhiên .....</b>	<b>11</b>
1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên: .....	11
1.1. Vị trí địa lý: .....	11
1.2. Địa hình, địa mạo: .....	11
1.3. Khí hậu: .....	12
1.4. Thủy văn:.....	12
2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên: .....	13
2.1. Tài nguyên đất:.....	13
2.2. Tài nguyên nước:.....	15
2.3. Tài nguyên rừng: .....	16
2.4. Tài nguyên khoáng sản:.....	16
<b>II. Khái quát về tình hình kinh tế, xã hội.....</b>	<b>17</b>
1. Lĩnh vực kinh tế: .....	17
1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:.....	17
1.2. Về công tác phòng, chống thiên tai:.....	19
1.3. Về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: .....	19
1.4. Về sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và kinh tế tập thể: .....	20
1.5. Đầu tư, xây dựng:.....	21
1.6. Tài nguyên - Môi trường:.....	23
1.7. Tài chính, ngân sách:.....	24
2. Về lĩnh vực văn hóa, xã hội:.....	24

2.1. Giáo dục và Đào tạo: .....	24
2.2. Y tế: .....	25
2.3. Công tác chính sách xã hội: .....	25
2.4. Văn hóa - thông tin, truyền thanh - truyền hình, du lịch: .....	26
3. Về lĩnh vực nội chính: .....	27
3.1. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương: .....	27
3.2. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội: .....	28
3.3. Công tác nội vụ, tôn giáo: .....	30
3.4. Công tác cải cách hành chính: .....	30
<b>PHẦN II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023..31</b>	
<b>I. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....32</b>	
1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	32
<i>Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....</i>	<i>32</i>
<i>Bảng 2. Hạng mục công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2023 .....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 3. Hạng mục công trình, dự án không còn phù hợp, không cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (hủy bỏ).....</i>	<i>40</i>
II. Những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất.....	44
III. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	45
<b>PHẦN III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....49</b>	
<b>I. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội trong năm kế hoạch.....49</b>	
1. Mục tiêu tổng quát:.....	49
2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2024:.....	49
2.1. Chỉ tiêu kinh tế: .....	49
2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội: .....	49
2.3. Các chỉ tiêu về môi trường: .....	50
<b>II. Chỉ tiêu sử dụng đất.....50</b>	
1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.....	50
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	50
<i>Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các các ngành, lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....</i>	<i>51</i>
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất: .....	53
<i>Bảng 5. Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm kế hoạch 2024.....</i>	<i>54</i>

3.1. Đất nông nghiệp: .....	55
3.2. Đất phi nông nghiệp: .....	57
3.3. Đất chưa sử dụng.....	62
<i>Bảng 6. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện .....</i>	<i>62</i>
4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích:.....	66
5. Diện tích đất cần thu hồi: .....	66
6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: .....	67
7. Danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024: .....	67
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất: .....	67
<b>PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>70</b>
<b>I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường .....</b>	<b>70</b>
1. Khai thác khoa học, hợp lý quỹ đất.....	70
2. Sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị của đất đai.....	70
<b>II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....</b>	<b>71</b>
<b>III. Giải pháp khác để tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện.....</b>	<b>72</b>
1. Một số giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất: .....	72
2. Giải pháp thực hiện, giám sát:.....	73
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>76</b>
<b>BIỂU SỐ LIỆU .....</b>	<b>77</b>

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai được quy định tại Điều 22, Luật đất đai năm 2013. Theo đó, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được xây dựng đồng bộ, phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với mục tiêu quốc phòng, an ninh; Được lập từ tổng thể đến chi tiết; quy hoạch sử dụng đất cấp dưới phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp trên; kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được phê duyệt với 17/17 huyện, thị, thành phố. Trên cơ sở quy hoạch, thành phố và các huyện, thị xã căn cứ để phân chia kỳ thực hiện theo kế hoạch hàng năm phục vụ công tác quản lý việc sử dụng đất đai trên từng địa bàn, theo kế hoạch của cấp tỉnh phân bổ, phù hợp với điều kiện về tự nhiên, kinh tế - xã hội và khả năng huy động nguồn lực cụ thể tại địa phương phù hợp với lộ trình quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

**“Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”** được quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Đất đai, được khẳng định cụ thể tại Điều 6, Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2013 quy định căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là **“kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”**;

Từ kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo từng năm, phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, tình hình sử dụng đất, đồng thời xác định các vấn đề tồn tại và nguyên nhân của việc tồn tại trong việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trên cơ sở kết quả thực hiện công trình, dự án đầu tư xây dựng, làm rõ được quá trình đưa đất vào sử dụng đảm bảo đúng lộ trình, tiến độ, từ đó có cơ sở đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp;

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phú Thiện được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt có ý nghĩa quan trọng cho các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong xã hội; là tài liệu pháp lý nhằm đảm bảo tính thống nhất công tác quản lý nhà nước về đất đai; làm cơ sở để thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch, phục vụ mục tiêu quốc phòng,

an ninh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Bên cạnh kết quả đạt được, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cũng bộc lộ một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện; ... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch còn thể hiện chủ quan, dự báo về nguồn lực chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Thực hiện Luật đất đai 2013, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai sửa đổi bổ sung “Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thực hiện Văn bản số 2089/STNMT-QHĐĐ ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai về kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024; Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường **“Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện”**;

- Yêu cầu về hồ sơ, sản phẩm kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 2089/STNMT-QHĐĐ ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Hồ sơ, sản phẩm được lập thành 05 bộ hồ sơ, mỗi bộ hồ sơ gồm có:

+ Tờ trình của UBND huyện Phú Thiện; Quyết định của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện;

+ Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện và các Biểu số liệu kèm theo;

+ Báo cáo chuyên đề và bản đồ chuyên đề;

+ Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023;

+ Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện (thể hiện các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, khu vực dự kiến thu hồi đất năm 2024); Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và Bản đồ khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024;

+ Đĩa CD ghi các sản phẩm trên.

Sản phẩm giao nộp được lưu trữ tại UBND tỉnh (01 bộ), Sở Tài nguyên và Môi trường (01 bộ), UBND huyện Phú Thiện (01 bộ) Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Thiện (01 bộ), UBND cấp xã (01 bộ).

- Về chất lượng sản phẩm, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phải đảm quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường: số 2089/STNMT-QHĐĐ ngày 16/6/2023, số 3959/STNMT-QHĐĐ ngày 30/10/2023.

Cụ thể là trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phải đảm bảo các nội dung sau đây:

+ Phân tích, đánh giá chi tiết kết quả thực hiện các nội dung, các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch năm 2023;

Trên cơ sở đó, đánh giá kết quả, tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án trong năm 2023; Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch, làm rõ các dự án chưa thực hiện, đã thực hiện hoặc đang hoàn thiện để xác định những vấn đề tồn tại, các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013;

+ Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trên cơ sở chỉ tiêu được cấp trên phân bổ, chỉ tiêu của năm trước còn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội tại huyện và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023 của các ngành, lĩnh vực, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62, 65 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013;

+ Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất, phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch;

+ Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất; diện tích đất cần thu hồi và diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch;

+ Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch 2024.



Đối với các công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch năm 2024 phải đảm bảo yêu cầu quy định của Luật Đất đai năm 2023, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 2089/STNMT-QHĐĐ ngày 16/6/2023; Văn bản số 3959/STNMT-QHĐĐ ngày 30/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả kiểm tra nhiệm vụ chuyên môn lập hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện.

### **1. Mục tiêu:**

- Đưa đất đai trên địa bàn huyện vào sử dụng phù hợp với lộ trình quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Cụ thể hóa chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và cân đối chỉ tiêu đến từng đơn vị hành chính cấp xã; làm cơ sở cung cấp thông tin cho xây dựng các quy hoạch chuyên ngành có sử dụng đất;

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất ... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Làm cơ sở để UBND huyện Phú Thiện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các khoản thu liên quan đến đất đai và các khoản chi cho đầu tư cơ sở hạ tầng, xã hội, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

### **2. Yêu cầu:**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phải đảm bảo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04/5/2023 và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể như sau:

- Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất 5 năm của tỉnh Gia Lai.

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Phú Thiện đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 09/5/2022.

- Phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất (cụ thể là khả năng thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất).

- Đề xuất giải pháp thực hiện.

### **3. Phạm vi thực hiện:**

Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho toàn huyện Phú Thiện với 10 đơn vị hành chính cấp xã, có tổng diện tích tự nhiên của huyện là 50.516,82 ha, bao gồm 03 nhóm đất chính: [1] Nhóm đất nông nghiệp; [2] Nhóm đất phi nông nghiệp và [3] Nhóm đất chưa sử dụng.

### **4. Phương pháp thực hiện:**

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa:

Thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực thông qua tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp; thực hiện xử lý tài liệu, đối chiếu, kiểm tra kết quả tổng hợp, phân loại tài liệu kết quả; khẳng định các yếu tố nhân tố chủ đạo ảnh hưởng đến thực trạng, biến động sử dụng đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Tổ chức khảo sát thực địa (nếu có).

- Phân tích, tổng hợp, thiết kế hệ thống:

+ Kế thừa và chọn lọc tài liệu kết hợp điều tra nhanh: tiếp cận người sử dụng đất và lãnh đạo các cấp, và phòng ban liên quan thu thập các thông tin cần thiết nhằm cung cấp các thông tin nhanh về quy hoạch, kế hoạch, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng liên quan đến đất đai tại huyện Phú Thiện;

Kế thừa hồ sơ, tài liệu từ kết quả các dự án thuộc nội dung quản lý nhà nước về đất đai và tài liệu các dự án khác đã triển khai trên địa bàn huyện.

+ Lập các báo cáo phân tích tổng hợp và xử lý số liệu hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch kỳ trước.

+ Phân tích tổng hợp và xử lý số liệu: Phân tích dữ liệu, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất theo quy định gồm các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và các chỉ tiêu theo nhu cầu sử dụng đất tại địa phương.

Tiến hành xử lý và tổng hợp thông tin bằng các phần mềm chuyên dụng để hình thành nên hệ thống biểu mẫu số liệu diện tích đất đai theo chỉ tiêu quy định.

Lập các báo cáo phân tích tổng hợp và xử lý số liệu phục vụ hội thảo.

+ Sử dụng phương pháp lập bản đồ: Sử dụng kỹ thuật vẽ bản đồ và các ứng dụng, phần mềm theo chuyên ngành để lập các bản đồ tích hợp nhóm ngành theo quy định.

Xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất, bản đồ chuyên đề trên cơ sở bản đồ quy hoạch, kế hoạch kỳ trước, chồng ghép các bản đồ tài liệu và bản đồ hiện trạng mới thành lập đưa ra xu thế sử dụng đất đai.

+ Phương pháp hội thảo chuyên gia: Phối hợp với Chủ đầu tư tổ chức hội thảo tại cấp huyện để tham khảo ý kiến lãnh đạo, ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm thống nhất, hoàn chỉnh bộ số liệu;

Hoàn chỉnh hồ sơ, dự thảo báo cáo kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu sau hội thảo; Báo cáo UBND cấp huyện, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, trình phê duyệt, in sao tài liệu giao nộp đúng tiến độ.

## **5. Cơ sở pháp lý:**

### **5.1. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

## **5.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ:**

- Nghị quyết số 302/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh;

- Nghị quyết số 303/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh;

- Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương;

- Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

- Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Thiện được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 527/QĐ-UBND, ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025 (đợt 2);

- Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Gia Lai, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Gia Lai (về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch);

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thiện được phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai;

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã, quy hoạch chung xây dựng các xã thuộc huyện Phú Thiện;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2021 - 2025) huyện Phú Thiện;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2023 huyện Phú Thiện;

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện;

- Công văn số 2089/STNMT-QHĐĐ ngày 16/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2024;

- Công văn số 3959/STNMT-QHĐĐ ngày 30/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai về việc kết quả kiểm tra nhiệm vụ chuyên môn lập hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện;

- Thông báo số 01/TB-HĐTĐ ngày 02/01/2024 của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc Thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện;

Bản nhận xét của Thành viên Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện;

- Nghị quyết Kỳ họp thứ mười sáu, khóa IV của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện tháng 12/2023 về kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách huyện;

- Báo cáo số 748/BC-UBND của UBND huyện Phú Thiện về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024;

- Báo cáo của UBND huyện Phú Thiện về kết quả thực hiện các công trình, dự án cần thu hồi đất, có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua từ năm 2021 đến năm 2023;

- Quyết định của UBND huyện về việc phê duyệt đề cương và dự toán nhiệm vụ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện;

- Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2024 của huyện Phú Thiện;

Nhu cầu sử dụng đất do các xã, thị trấn trực tiếp xác định.

- Và kết quả điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin tài liệu trên địa bàn huyện của đơn vị thi công.

- Công văn số 710/STNMT-QHĐĐ ngày 01/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều kiện, tiêu chí để cập nhật các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện.

- Công văn số 781/STNMT-QHĐĐ ngày 08/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều kiện, tiêu chí để cập nhật các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện;

- Công văn số 592/STNMT-QHĐĐ ngày 21/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cập nhật các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện (lần 3).

## **6. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan quyết định đầu tư là UBND huyện Phú Thiện;

- Cơ quan chủ đầu tư là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Cơ quan phê duyệt là UBND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan tổ chức thẩm định là Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai; đơn vị thẩm định là Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện do UBND tỉnh Gia Lai thành lập;
- Đơn vị tư vấn là Công ty TNHH MTV Phát Thành Lộc Gia Lai.

Thực hiện nội dung nhiệm vụ đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai hàng năm, UBND huyện Phú Thiện giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tham mưu cho UBND huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai các công trình, dự án liên quan đến sử dụng đất đai của các ngành, lĩnh vực, các cấp và đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích của nhân dân trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở;
- Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các xã, thị trấn để các xã, thị trấn thực hiện nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Đồng thời tổ chức thực hiện kế hoạch, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo theo quy định.

## **7. Bố cục của Báo cáo thuyết minh:**

Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, kiến nghị thì gồm các phần chính sau:

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- Phần II: Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện.

**PHẦN I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI****I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN****1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên:****1.1. Vị trí địa lý:**

Huyện Phú Thiện nằm phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, có tổng diện tích tự nhiên 50.516,82 ha, cách trung tâm thành phố Pleiku 70km, huyện có địa giới hành chính như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Chư Sê;
- Phía Nam giáp huyện Ayun Pa;
- Phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Ia Pa;
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Ea H'Leo tỉnh Đắk Lắk.

Có tọa độ địa lý như sau:

- Kinh độ Đông từ 108<sup>00</sup>'10" đến 108<sup>02</sup>'28";
- Vĩ độ Bắc từ 13<sup>44</sup>'18" đến 14<sup>23</sup>'18".

Lợi thế của huyện là nằm tiếp giáp với huyện Ayun Pa, cách không xa tuyến đường Quốc lộ 14, là tuyến giao thông huyết mạch nối liền các tỉnh vùng Tây Nguyên, nước bạn Cam Pu Chia với tỉnh Phú Yên và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ; do đó huyện có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

**1.2. Địa hình, địa mạo:**

Huyện Phú Thiện nằm trong thung lũng thuộc lưu vực sông Ayun có các dãy núi cao bao bọc ở phía Tây Bắc, Tây Nam, phía Nam và Đông Bắc đã tạo cho huyện có địa hình lòng chảo và hình thành 3 dạng địa hình chính:

\*Địa hình núi cao: thuộc các dãy núi bao bọc ở phía Tây Bắc xã Chư A Thai. Tây Nam và Nam xã Ia Sol, Ia Piar, Ia Hiao và Đông Bắc xã Ia Sol, có độ cao trung bình >200m thấp dần về phía sông Ba. Tổng diện tích tự nhiên của loại địa hình này có khoảng 24.000 ha, chiếm 47,5% diện tích tự nhiên toàn huyện, đặc điểm của loại địa hình này thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp kết hợp với phát triển chăn nuôi.

\*Địa hình đồi núi thấp: có độ cao từ 100 – 200m là phần tiếp giáp giữa khu vực địa hình đồi núi cao với khu vực thung lũng ven 2 bờ sông Ayun, tổng diện tích tự nhiên của loại địa hình khoảng 12.000 ha, chiếm 23,7% diện tích tự nhiên của huyện, đặc điểm của loại địa hình này phù hợp với việc phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp hàng năm, cây màu và trồng cỏ kết hợp với phát triển chăn nuôi trang trại tập trung.



\*Địa hình thung lũng: địa hình thung lũng là dải đồng bằng nằm dọc theo 2 bờ sông Ayun, có tổng diện tích tự nhiên 14.400 ha, chiếm 28,8% diện tích tự nhiên toàn huyện, đặc điểm của loại địa hình này thích hợp với trồng lúa, các cây đậu đỗ, hoa màu, nuôi trồng thủy sản ...

### **1.3. Khí hậu:**

Huyện Phú Thiện nằm về phía Đông dãy Trường Sơn, toàn bộ diện tích huyện Phú Thiện lại ở trong thung lũng sông Ba - Ayun Pa, nên huyện vừa mang đặc điểm khí hậu cao nguyên lại chịu ảnh hưởng của khí hậu duyên hải.

Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm 80 - 90% lượng mưa cả năm tập trung vào các tháng 7, tháng 8 và tháng 9, gió thịnh hành vào mùa này là gió Tây. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, hầu như không có mưa hoặc mưa rất ít. Tổng lượng mưa trong năm lớn, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch lớn.

- *Nhiệt độ, khí hậu:*

+ Nhiệt độ trung bình năm: 25,5<sup>0</sup>C.

+ Nhiệt độ cao nhất: 40,8<sup>0</sup>C.

+ Nhiệt độ thấp nhất: 8,5<sup>0</sup>C.

Tháng nóng nhất là tháng 3, tháng 4; nhiệt độ bình quân 27 - 28<sup>0</sup>C.

- *Mưa:*

+ Lượng mưa: Trung bình năm: 1.225 mm.

Cao nhất: 1.570 mm.

Thấp nhất: 1.012 mm.

+ Số ngày mưa trung bình năm: 144 ngày.

Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11; tháng mưa nhiều nhất là tháng 10, tháng 11.

- *Độ ẩm:* Trung bình năm: 80%.

Cao nhất: 89%.

Thấp nhất: 50%.

- *Hướng gió:* Gió Đông Nam là hướng gió thịnh hành nhất (từ tháng 11 đến tháng 7); Gió Tây và Tây Bắc thổi từ tháng 8 đến tháng 10.

### **1.4. Thủy văn:**

Huyện Phú Thiện là nơi có nhiều mạng lưới sông suối dày đặc, có nguồn dự trữ thủy năng lớn; nước sông, nước suối mang nhiều phù sa bồi đắp cho thung lũng, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình thủy nông quan trọng. Tuy nhiên cũng gây rất nhiều khó khăn nhất là về mùa mưa như hiện tượng ngập úng, xói lở... Các con sông

và suối lớn cung cấp nước trực tiếp đến khu vực huyện Phú Thiện sông Ayun và các suối nhỏ khác trên địa bàn.

Sông Ayun (bắt nguồn từ núi Kông Lăk có độ cao 1.720m chảy dọc theo quốc lộ 25) đổ vào hồ Ayun Hạ. Sông Ayun có lưu lượng nước bình quân 56,3 m<sup>3</sup>/s. Mùa cạn lưu lượng chỉ đạt 11,2 m<sup>3</sup>/s, trong khi đó mùa mưa 188,0 m<sup>3</sup>/s và thường xuất hiện lũ. Mùa mưa lưu lượng dòng chảy chiếm 75% lượng dòng chảy cả năm. Cùng với hệ thống kênh mương thủy lợi Ayun Hạ đã tạo nên một vùng đất đai màu mỡ, phì nhiêu, là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp - nhất là lúa nước và các loại cây công nghiệp khá phát triển, chăn nuôi gia súc, gia cầm khá thuận lợi, đặc biệt đây là vùng có nguồn dự trữ thủy năng cho phát triển thủy điện tại khu vực trong những năm tới.

## **2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên:**

### **2.1. Tài nguyên đất:**

Điều kiện, đặc điểm thổ nhưỡng quyết định rất lớn đến việc sử dụng đất phục vụ cho mục đích phát triển nông nghiệp bởi vì mỗi loại cây trồng thích hợp với các loại đất và chất lượng đất nhất định. Độ phì nhiêu của đất là yếu tố tác động mạnh đến sinh trưởng của cây trồng và năng suất, sản lượng.

Tài nguyên đất trên địa bàn huyện Phú Thiện được xác định theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt kết quả điều tra, đánh giá đất đai tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020. Vị trí từng loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện Phú Thiện được thể hiện trên bản đồ đánh giá đất đai kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND.

Các loại đất của huyện được hình thành chủ yếu từ 2 nguồn gốc chính gồm đất thủy thành và đất địa thành. Theo tính chất phát sinh có thể phân chia các loại đất tại huyện Phú Thiện ra làm 6 nhóm đất chính, 14 đơn vị đất phụ. Trong đó:

#### **2.1.1. Nhóm đất phù sa (P):**

Diện tích 9.236,86 ha chiếm 18,3% diện tích tự nhiên, với 5 đơn vị đất chính là đất phù sa được bồi chua, đất phù sa không được bồi chua, đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng, đất phù sa Glei, đất phù sa ngòi suối.

Đất phù sa được hình thành từ trầm tích có nguồn gốc sông, suối, tuổi Holocene muộn (aQ3-IV). Thành phần trầm tích chủ yếu là cấp hạt mịn và trung bình. Đất phù sa của huyện Phú Thiện được tạo thành chủ yếu do quá trình lắng đọng phù sa của các dòng sông Ayun và các hệ thống suối khác ... Đất này phù hợp với việc gieo trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, các loại cây công nghiệp như mía, các loại đậu đỗ, các loại rau quả, ... Đối với từng cây trồng

cụ thể sẽ có chế độ bón phân khác nhau, ngoài phân chuồng, phân đạm, cần chú ý bón đủ lân và kali.

### **2.1.2. Nhóm đất xám và bạc màu (X; B):**

Có diện tích 22.082,39 ha chiếm 43,7% diện tích tự nhiên, với 3 đơn vị đất chính là đất xám trên phù sa cổ, đất xám trên macma acid và đá cát, đất xám bạc màu trên đá macma acid và đá cát. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, khoáng sét đã bị biến đổi, có quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm tạo cho đất có tầng tích tụ sét. Hình thái phẫu diện đất xám đặc trưng kiểu A.Bt hoặc A.Bt.C. Trong đó Bt là tầng tích tụ sét. Tuy nhiên nhờ địa hình bằng phẳng và độ dày tầng đất lớn và đất tơi xốp nên dễ thích hợp nhiều loại cây trồng cạn như mía, điều và các loại hoa màu khác như lạc, vừng, đậu đỗ, dưa hấu, thuốc lá...

### **2.1.3. Nhóm đất đen (R):**

Diện tích 25,34 ha chiếm 0,05% diện tích tự nhiên, với 1 đơn vị đất chính là đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan. Đất hình thành từ đá mẹ bazan giàu kiềm; có biểu hiện của quá trình rửa trôi, tích tụ sét. Tuy nhiên quá trình phá hủy khoáng sét và rửa trôi kiềm còn ở mức thấp. Đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng. Trong đất có biểu hiện gia tăng sét nhẹ theo chiều sâu. Đất có độ phì khá hơn các loại đất khác, phản ứng đất ít chua ở địa hình dốc và trung tính ở địa hình bằng. Hàm lượng mùn và đạm tổng số cao trên toàn phẫu diện, đặc biệt lân tổng số cao hơn các loại đất khác. Các đơn vị đất đen có thể sử dụng gieo trồng nhiều loại cây nông nghiệp dài ngày như cây ăn quả, các cây màu ngắn ngày như ngô, đậu đỗ, các loại rau, hành, tỏi...

### **2.1.4. Nhóm đất đỏ vàng (F):**

Có diện tích 2.558,07 ha chiếm 5,1% diện tích tự nhiên, với 3 đơn vị đất chính là đất vàng đỏ trên đá macma acid, đất nâu đỏ trên đá bazan và đất nâu vàng trên phù sa cổ. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mãnh liệt, quá trình tích lũy sắt, nhôm ... phổ biến. Đất có màu vàng, vàng đỏ, vàng nhạt, tùy thuộc mức độ tích lũy sắt, nhôm. Đất tuy có độ phì không cao nhưng do tầng đất dày và phân bố ở địa hình bằng phẳng nên thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là các cây dài ngày.

### **2.1.5. Nhóm đất thung lũng (D):**

Diện tích 1.027,95 ha chiếm 2,04% diện tích tự nhiên, với 1 đơn vị đất là đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ. Đất dốc tụ hình thành và phát triển trên sản phẩm rửa trôi và bồi tụ của các loại đất ở các chân, sườn đồi thoải và hoặc các khe dốc.

Vật liệu được dòng nước mang từ các vùng đồi núi kế cận về nơi địa hình thấp, cùng với các vật liệu này còn có các chất hữu cơ. Do ở địa hình thấp, nước mặt đọng nên đất thường bị Glei. Do đặc điểm hình thành và phân bố nên đất dốc tụ có đặc điểm hình thái hết sức phức tạp. Có hai loại hình thái chính đó là:

Đất dốc tụ sét hình thành trong vùng đất có thành phần cơ giới nặng (chủ yếu là vùng đất bazan). Đất có thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, thường có Glei, giàu chất hữu cơ.

Đất dốc tụ có thành phần cơ giới nhẹ: hình thành trong những vùng đất có thành phần cơ giới nhẹ như đất xám, đất vàng đỏ trên đá cát hay đất macma axit. Chủ yếu được sử dụng trồng cây hàng năm như cây lúa, hoa màu và cây lương thực.

### **2.1.6. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E):**

Diện tích 13.480,47 ha chiếm 26,7% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành do quá trình phong hóa và rửa trôi mạnh, tầng đất mịn hầu như không còn. Ít có khả năng sử dụng cho nông nghiệp, chủ yếu sử dụng để khai thác vật liệu xây dựng và khoanh nuôi tái sinh rừng.

Như vậy, điều kiện đất đai của huyện rất đa dạng và phong phú, tầng đất dày, đất đai màu mỡ, độ phì cao, rất phù hợp cho phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi nhất là cây công nghiệp dài ngày, cây rừng và chăn nuôi đại gia súc nhất là bò thịt, heo, dê, gà, vịt, nuôi ong và nuôi cá.

## **2.2. Tài nguyên nước:**

### **2.2.1. Nguồn nước mặt:**

Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện gồm nguồn nước mưa và nguồn nước sông suối.

Hàng năm trên địa bàn huyện có lượng mưa trung bình năm là 1.225 mm. Lượng nước mưa tập trung chủ yếu vào các tháng 5 - 11. Nguồn nước mặt chủ yếu dựa vào sự có mặt của hệ thống sông suối chính trong vùng. Các con sông và suối lớn cung cấp nước trực tiếp đến khu vực huyện Phú Thiện sông Ayun và các suối nhỏ khác trên địa bàn, gồm sông Ayun, Hồ Ayun Hạ và hệ thống kênh mương thủy lợi Ayun Hạ.

Đây là nguồn nước tưới quan trọng và chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp vào mùa khô. Với mật độ sông suối khá dày, Phú Thiện có nguồn nước mặt trên địa bàn huyện rất dồi dào, chất lượng nước tốt được bổ sung từ hồ dự trữ Ayun Hạ đảm bảo đủ cung cấp nước tưới và sinh hoạt của nhân dân.

### **2.2.2. Nguồn nước ngầm:**

Theo tài liệu Liên đoàn địa chất Miền Nam, thì toàn huyện có nguồn nước ngầm nông thành phần đất đá là sản phẩm phong hóa dở dang của đá Ba zan đặc sít xen lẫn hồng và tốp. Độ sâu của nước ngầm thường là từ 5 – 20 m. Chất lượng của nước rất tốt.

Nhìn chung do đặc điểm địa hình lòng chảo phức tạp bị chia cắt mạnh, độ cao độ dốc lớn nhưng do có công trình thủy lợi Ayun Hạ nên nguồn nước dồi dào, đảm bảo nguồn nước tưới cho cây trồng. Do địa hình chênh lệch về độ cao, độ dốc lớn tạo nên các sông suối có nhiều bậc nước là một tiềm năng lớn về thủy lợi, thủy điện phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, ngoài ra còn có nguồn nước ngầm tương đối lớn, chất lượng nước tốt có khả năng khai thác phục vụ nước tưới cho cây trồng và sinh hoạt của đồng bào địa phương.

### **2.3. Tài nguyên rừng:**

Với đặc điểm khí hậu thời tiết và đất đai, thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loại thực vật, động vật sinh sống đã tạo nên hệ sinh thái rừng đa dạng phong phú, nhiều loại cây sinh sống phát triển tốt, thực vật rừng có nhiều loại gỗ quý hiếm có giá trị kinh tế cao (trắc, cẩm lai, giáng hương, gụ, cà te, pơ mu, thông 5 lá và cây dược liệu như ba kích vàng đắng, sa nhân, trầm hương). Tuy nhiên do việc khai thác gỗ và lâm sản trong khu vực chưa hợp lý, sự quản lý chưa chặt chẽ nên diện tích và chất lượng rừng bị suy giảm một cách rõ rệt. Diện tích đất rừng còn lại hiện nay chủ yếu là rừng khộp và rừng nghèo kiệt.

### **2.4. Tài nguyên khoáng sản:**

Căn cứ quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011 - 2020 cho thấy huyện Phú Thiện có một số loài đá và khoáng vật như sau: Thiếc (xã Chư A Thai), Uran Thori dị thường xạ (xã Chư A Thai, Ia Sol), Saphia, KaoLan, Granit xây dựng, Granit ốp lát, gỗ silic hóa, sét gạch ngói (xã Chư A Thai), cuội, sỏi, cát, đá xây dựng ở ven khu vực sông Ayun cung cấp vật liệu và làm gạch phục vụ cho nhu cầu xây dựng các công trình tại địa phương. Trữ lượng và vị trí phân bố của các loại khoáng sản trên địa bàn huyện Phú Thiện xác định theo quy hoạch mỏ khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số: 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009; 914/QĐ-UBND ngày 27/12/2010; 568/QĐ-UBND ngày 08/10/2013; 468/QĐ-UBND ngày 06/8/2015; Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 21/6/2016) và theo Công văn số 824/STNMT-KS-TNN ngày 16/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát các mỏ khoáng sản để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (Cát xây dựng tại xã Ia Piar và xã Ia Yeng với trữ lượng khoảng 120.000 m<sup>3</sup>; Đá san lấp tại xã Ia AKe và

xã Ia Sol với trữ lượng khoảng 145.000 m<sup>3</sup>; Sét gạch ngói tại xã Chư A Thai với trữ lượng khoảng 130.000 m<sup>3</sup>; Quặng Fluorit tại xã Ia Hiao với trữ lượng khoảng 8.913 tấn).

Hiện nay chỉ có một vài điểm có đá xây dựng, cát, đá cấp phối với trữ lượng không đáng kể, manh mún phục vụ được khai thác phục vụ cho khai thác sản xuất vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ ở địa phương. Theo hiện trạng đất đai, hiện có các khu vực quy hoạch khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng được cấp phép khai thác, sử dụng phân bố chủ yếu trên địa bàn Chư A Thai, xã Ia Ake và xã Ia Sol.

## **II. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI**

Theo Báo cáo năm 2023 báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024 của UBND huyện Phú Thiện; trong năm 2023 tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong kế hoạch của huyện đạt được những kết quả sau:

### **1. Lĩnh vực kinh tế:**

#### **1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:**

Kết thúc năm 2023, toàn huyện ước gieo trồng với tổng diện tích 29.977,9ha/29.577,5ha, đạt 101,4% so với kế hoạch<sup>1</sup>; Tổng sản lượng lương thực năm 2023 đạt 109.083,3 tấn (tăng 2.954 tấn so với năm 2022), đạt 102,8% kế hoạch, trong đó sản lượng thóc 99.276,7 tấn (tăng 3.377,3 tấn so với năm 2022), đạt 102,7 kế hoạch. UBND huyện đã tổ chức ký kết với Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh trong việc từng bước hình thành mối liên kết giữa 04 nhà (nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nước) trên địa bàn huyện tiến tới hình thành các mối liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của huyện, từ đó góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân trên địa bàn huyện<sup>2</sup>. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng được thực hiện tăng cường; nhìn chung, trong năm về cơ bản không có dịch bệnh xảy ra trên cây trồng.

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 17/12/2021, Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 17/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và Đề án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

<sup>1</sup> Vụ Đông Xuân 2022-2023: 11.980,2/11.919,2 ha, đạt 100,5% kế hoạch vụ; vụ Mùa 2023: 17.997,7ha/17.658,3ha, đạt 101,9% kế hoạch vụ.

<sup>2</sup> Trong năm 2023 đã đạt được chỉ tiêu và mục tiêu đã đề ra. Cụ thể: Mô hình Tôm Càng xanh đã cho kết quả tích cực; mô hình Cá rô phi Na Uy và dự kiến đạt kết quả tích cực (thu hoạch vào tháng 2 năm 2024), còn lại nội dung chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc và hoàn thành trong tháng 12/2023.

giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Đến hết năm 2023, tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi là 667,3ha/756,3ha, đạt 88,2% kế hoạch<sup>3</sup>; đồng thời, tổ chức lồng ghép và triển khai chương trình, dự án nông nghiệp nhằm đẩy mạnh nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện<sup>4</sup>.

Công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi được tăng cường. Ngành chăn nuôi bước đầu phát triển theo hướng tập trung, quy mô và áp dụng công nghệ cao<sup>5</sup>.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật, trong đó tập trung thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống cháy rừng<sup>6</sup>. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ trồng rừng và trồng cây phân tán năm 2023. Trồng rừng năm 2023 đã triển khai trồng được 51,33 ha rừng trồng tập trung (trong quy hoạch: 26,19 ha; ngoài quy hoạch: 25,14 ha) đạt 47,22% kế hoạch giao<sup>7</sup>. Từ đầu năm 2023 đến nay, trên địa bàn huyện Phú Thiện xảy ra 05 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp<sup>8</sup>.

Về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã: UBND huyện thường xuyên chỉ đạo kiểm tra theo dõi chặt chẽ, cập nhật, nắm bắt thông tin, tình hình biến động về số lượng cá thể và tình hình hoạt động của các cơ sở gây nuôi, đồng thời hướng dẫn cho các cá nhân, tổ chức ký cam kết thực hiện đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ và phát triển động vật hoang dã trong quá trình gây nuôi. Từ đầu năm 2023 đến nay, trên

<sup>3</sup> Chuyển đổi sang trồng trọt là 496,3/493,8 ha, đạt 100,5% KH; chuyển đổi sang đất chăn nuôi trang trại gia súc, gia cầm là 100/125ha, đạt 80% KH; chuyển đổi sang nuôi chim yến 15/12,5ha, đạt 120% KH và chuyển đổi sang trồng rừng 56/125 ha, đạt 44,8% KH.

<sup>4</sup> Trong năm 2023 đã đẩy mạnh tăng cường chuyển đổi giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao gồm: Sử dụng các giống lúa có năng suất, chất lượng cao ước khoảng 1.920 ha trên địa bàn các xã, thị trấn (gồm LH12, ML48, TBR225, Đài thơm 8, ST24, ST25, OM4900, JO2....); Sử dụng các giống mỳ kháng bệnh khảm lá virus như KM94, HN3, HN5...) với diện tích khoảng 1000 ha; Sử dụng giống khoai lang nhật có năng suất, chất lượng cao với diện tích chuyển đổi khoảng 900 ha; Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Ia Hiao với diện tích 20ha/12hộ .

<sup>5</sup> duy trì tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng: 246.834 con. Trong đó: Bò: 22.794 con; Trâu: 1.128 con; Heo: 32.951 con; Gia cầm: 166.126 con, chó 12.760 con, dê 4.426 con. Hiện nay, toàn huyện có 13 trang trại chăn nuôi, với quy mô khoảng 101.010 con. Trong đó; có 08 trang trại nuôi tập trung lớn, với quy mô khoảng 98.000 con (trong đó; có 07 trang trại nuôi heo và 01 trang trại nuôi vịt với quy mô 38.000con) và 05 trang trại chăn nuôi nhỏ, vừa với quy mô khoảng 2.210 con (trong đó có 04 trang trại nuôi heo và 01 trang trại nuôi bò 110 con).

<sup>6</sup> Trong 09 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện xảy ra 01 vụ cháy diện tích 2,68 ha rừng trồng chưa thành rừng tại lô 3, khoảnh 6 tiểu khu 1272 thuộc diện tích do Ban QLRPH Chư A Thai quản lý địa giới hành chính xã Ia Hiao, huyện Phú Thiện.

<sup>7</sup> xã Ayun Hạ trồng được 9,1 ha; xã Chư A Thai trồng được 13,3 ha; xã Ia Ake trồng được 6,58 ha; xã Ia Sol trồng được 12,86 ha; xã Ia Peng trồng được 5,39 ha ; xã Chrôh Ponan trồng được 4,1 ha; loài cây trồng: Bạch đàn, keo lai, lõi thò.

<sup>8</sup> trong đó: 01 vụ vi phạm quy định về PCCCR, 02 vụ tàng trữ lâm sản trái pháp luật và 02 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

địa bàn huyện có 01 hộ gia đình ông Mai Văn Chuyên gây nuôi động vật hoang dã (Cây vòi hương).

## 1.2. Về công tác phòng, chống thiên tai:

Ngày 31/8/2023, trên địa bàn huyện đã xảy ra các trận mưa dông, kèm theo lốc xoáy gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng, nhà ở và sản xuất nông nghiệp của nhân dân trên địa bàn huyện với tổng giá trị thiệt hại hơn 11.072,15 triệu đồng<sup>9</sup>. Các cấp, ngành, địa phương đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tổ chức phòng, tránh kịp thời, an toàn; công tác khắc phục hậu quả được thực hiện cơ bản kịp thời, hạn chế thấp nhất về thiệt hại, ổn định cuộc sống và sản xuất của nhân dân.

## 1.3. Về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Tăng cường triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về lãnh đạo chỉ đạo xây dựng huyện Phú Thiện được công nhận huyện nông thôn mới giai đoạn 2020-2025; huy động các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các giai đoạn tiếp theo của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Đối với kế hoạch về đích trong năm 2023, dự kiến có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; tiêu chí huyện NTM, xã NTM nâng cao và thôn, làng phần đầu đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra<sup>10</sup>. Tiếp tục chỉ đạo các xã

---

<sup>9</sup> + Về nhà ở: Tổng số có 138 ngôi nhà bị tốc mái trên địa bàn các xã Ia Yeng, Ia Hiao, Chrôh Ponan, Ia Piar và Ayun Hạ, trong đó: Xã Ia Hiao 39 nhà, Ia Yeng 62 nhà, Chrôh Ponan 26 nhà, Ia Piar 1 nhà và xã Ayun Hạ 10 nhà; mức độ thiệt hại có 9 nhà bị ngã đổ hoàn toàn 100%, 53 nhà bị thiệt hại từ 30-70%, 76 nhà bị thiệt hại nhẹ dưới 30%. Ước thiệt hại 3.917 triệu đồng.

+ Về cơ sở hạ tầng: Có khoảng 25m tường rào bị đổ hoàn toàn và 111m tường rào có nguy cơ bị ngã đổ của UBND xã Chrôh Ponan; đổ ngã 135,0m tường rào nhà xưởng của hộ dân thôn Điểm 9 xã Ia Hiao; tốc mái 85m<sup>2</sup> trụ sở Hợp tác xã Nông nghiệp Thắng Lợi; hư hỏng cống thoát nước kết hợp với đoạn đường dân sinh Thôn Drok, xã Chư A Thai, ước thiệt hại 2.072,4 triệu đồng.

+ Về giáo dục: Có khoảng 20m tường rào bị đổ hoàn toàn và có hơn 100m tường rào đã bị rạn nứt có nguy cơ ngã đổ; khoảng 50m<sup>2</sup> pano (làm bằng tôn) và 02 cây bóng mát bị ngã của Trường Tiểu học Thắng Lợi, xã Ia Sol, ước tổng thiệt hại khoảng 140 triệu đồng.

+ Về cây trồng: Có 167,8 ha diện tích cây trồng bị đổ ngã, trong đó: 12 ha diện tích lúa bị ngã thiệt hại trên 70%, 82,1 ha diện tích lúa bị thiệt hại từ 30-70%, 39,4 ha diện tích lúa bị thiệt hại dưới 30% và 22,6 ha diện tích ngô bị đổ ngã thiệt hại trên 70%; 10,35ha diện tích ngô bị đổ ngã thiệt hại dưới 30%. Ước giá trị thiệt hại khoảng 4.903,25 triệu đồng.

+ Về chăn nuôi: Bị tốc mái tôn trại chăn nuôi của hộ ông Bùi Văn Mạnh với diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> và tốc mái lều coi cá của hộ ông Bùi Văn Cường với diện tích gần 40m<sup>2</sup> thôn Thắng Lợi 2, xã Ia Sol. Ước thiệt hại hơn 35 triệu đồng.

<sup>10</sup> \* **Đối với chỉ tiêu huyện NTM:** Tự đánh giá đã duy trì được 4/9 tiêu chí, gồm: (2) về Giao thông, (3) về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai, (4) về Điện và (9) về Hệ thống chính trị-An ninh trật tự-Hành chính công.

Riêng chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 phần đầu đạt 02 chỉ bao gồm: Chỉ tiêu 1.1 về “Có Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn”. Kết quả đã được UBND tỉnh phê duyệt



*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
đẩy mạnh xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào DTTS theo Chỉ thị 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, dự ước cuối năm 2022 đạt 05/07 làng nông thôn mới<sup>11</sup>.

Tổ chức thi đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đợt 1 năm 2023 với 15 sản phẩm tham gia dự thi đánh giá, phân hạng, kết quả cơ bản đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra.

#### **1.4. Về sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và kinh tế tập thể:**

Tình hoạt động công nghiệp-TTCN phát triển ổn định, các nhà máy sản xuất chế biến hoạt động tốt. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước thực hiện 209,44 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch năm, tăng 10,44% so với cùng kỳ 2022 (189,64 tỷ đồng). Một số ngành công nghiệp khác phát triển ổn định, đặc biệt các ngành thế mạnh của địa phương như: sản xuất vật liệu xây dựng; gia công hạt điều, sửa chữa máy móc thiết bị, xay xát gạo... nhiều cơ sở đã thay đổi thiết bị máy

---

Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Gia Lai. Hiện nay, Sở xây dựng tỉnh đang thẩm định dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện, sau khi thẩm định xong sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán, ước đạt 30% khối lượng. *Đánh giá chưa đạt.*

- Chỉ tiêu 5.2 về “Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã”. Kết quả đã thực hiện quy trình thủ tục đầu tư dự án nhà thi đấu đa năng, hiện nay đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án, dự kiến cuối năm tổ chức đấu thầu, xây lắp và giải ngân đạt 30% kế hoạch vốn giao (Lý do dự án thực hiện trong 02 năm: 2023-2024 và công trình thực hiện 02 bước nên thời gian kéo dài). *Đánh giá chưa đạt.*

\* **Đối với chỉ tiêu xã NTM nâng cao:** Xã Ia Ake cơ bản đạt được 07/19 tiêu chí; còn lại 12 tiêu chí chưa đạt bao gồm: Số 1, 2, 3, 5, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 17, 18. Theo kế hoạch năm 2023 xã Ia Ake phấn đấu đến cuối năm 2023 đạt thêm 05 tiêu chí, gồm: Tiêu chí số 1, 2, 6, 17, 18. Kết quả, xã đạt thêm được 02 tiêu chí (Số 1 và 6). Ước cuối năm đạt thêm 03 tiêu chí, nâng tổng số tiêu chí đạt của xã Ia Ake là 12/19 tiêu chí. *Đánh giá đạt.*

\* **Đối với chỉ tiêu xã NTM:** Phấn đấu 02 xã đạt chuẩn NTM gồm: Xã Ia Peng và Ia Hiao. Kết quả:

+ Xã Ia Hiao không đạt (Vì xã có chỉ tiêu số 18.4: Theo Sở Tư pháp đánh giá xã Ia Hiao không đạt chỉ tiêu 18.4 Lý do: Đồng chí Chủ tịch UBND xã bị xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức khiển trách theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện Phú Thiện).

+ Xã Ia Peng: Tính đến hết năm 2023, xã Ia Peng đạt được 17/19 tiêu chí, còn lại 02 tiêu chí chưa đạt gồm: Tiêu chí số 15 và 17. Cuối năm 02 tiêu chí này đạt, nâng tổng số tiêu chí xã đạt 19/19 tiêu chí, dự kiến xã đạt chuẩn NTM năm 2023.

<sup>11</sup> \* **Đối với thôn, làng:** Theo kế hoạch phấn đấu năm 2023 có 12 thôn, làng đạt chuẩn NTM. Kết quả thực hiện:

+ Cuối năm có 5/12 thôn, làng đạt chuẩn NTM cụ thể: Thôn Plei Ia Kơ Al, Plei Lok, Plei Glung Mơ Lan, Chrôh Ponan, Bôn Mi Hoan.

+ Còn lại 7 thôn, làng dự kiến cuối năm khó đạt NTM: Thôn Bôn Chư Knông, Sô Ma Long B, Plei Ksing, Plei Tel B, Kế Tân, Plei Ring Đáp, Ia Chă Wău (Lý do: Hầu hết 07 thôn, làng đều có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn rất cao (Tỷ lệ hơn 20% trở lên) và tỷ lệ người tham gia BHYT rất thấp (50 – 70%)).

*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
móc, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương.

Tình hình hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn huyện được duy trì, hàng hóa cung cầu được đáp ứng đầy đủ; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (theo giá hiện hành): ước thực hiện 2.368,23 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch năm, tăng 14,82% so với cùng kỳ 2022 (2.062,59 tỷ đồng).

Chỉ đạo tổ chức rà soát thực trạng và đánh giá xếp loại HTX nông nghiệp; xây dựng Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các HTX nông nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và có giải pháp khắc phục. Năm 2023, trên địa bàn huyện không có HTX thành lập mới, 02 HTX giải thể tự nguyện và có 10 doanh nghiệp được thành lập mới (đạt 66,7% kế hoạch).

### **1.5. Đầu tư, xây dựng (có báo cáo chuyên đề riêng):**

- Tổng số công trình, nhà ở riêng lẻ đã cấp GPXD: 36 giấy phép. Tổng diện tích sàn: 3.844,4 m<sup>2</sup>. Trong đó, phân theo loại: Cấp cho công trình: 0 giấy phép. Cấp cho nhà ở riêng lẻ: 36 giấy phép. Diện tích sàn: 3.844,4 m<sup>2</sup>. Kết quả tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng: Tổng số công trình, nhà ở riêng lẻ đã tổ chức kiểm tra: 133 công trình, nhà ở, chiếm tỷ lệ: 100%; trong đó số công trình, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng được phát hiện: 08 công trình, nhà ở (xã Ia Sol 04 công trình, nhà ở; thị trấn Phú Thiện 04 công trình, nhà ở xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp), chiếm tỷ lệ 6,02% so với tổng số công trình, nhà ở đã tổ chức kiểm tra.

- UBND huyện đã phê duyệt 11 Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã, thị trấn đến năm 2030; 05 Đồ án đang trong quá trình hoàn thiện<sup>12</sup>.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công huyện được giao quản lý năm 2023 là **130.314 triệu đồng**<sup>13</sup> đầu tư cho 32 công trình, nhiệm vụ; Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương và thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc

<sup>12</sup> (1) Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. (2) 02 Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã: Xã Ia Hiao, xã Ayun Hạ chưa hoàn thiện hồ sơ để trình xin ý kiến Thường trực Huyện ủy. (3) Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Phú Thiện. (4) Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân xã Ia Ake, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

<sup>13</sup> trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 30.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh 15.837 triệu đồng; ngân sách huyện 40.105 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 14.290 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng NTM 20.082 triệu đồng; vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2022 hỗ trợ 10.000 triệu đồng.

*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
gia<sup>14</sup>. Dự ước cả năm 2023, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn là **97.917 triệu đồng** (đạt 75,1% kế hoạch)<sup>15</sup>.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công huyện được giao quản lý kế hoạch năm 2022 đã được kéo dài sang năm 2023 là **32.567 triệu đồng**<sup>16</sup> (trong đó: ngân sách trung ương 18.488,666 triệu đồng; ngân sách huyện 1.140,371 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 8.534 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng NTM 4.403,531 triệu đồng). Năm 2023, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn là 32.373 triệu đồng (đạt 99,4% kế hoạch).

\* Dự kiến kế hoạch năm 2024: Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công huyện được giao quản lý năm 2023 là 137.608 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 28.420 triệu đồng; ngân sách tỉnh 16.392 triệu đồng; ngân sách huyện 33.635 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 34.165 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng NTM 24.996 triệu đồng.

<sup>14</sup> Đầu tư thực hiện 32 công trình, nhiệm vụ (trong đó: thu hồi vốn ứng trước 11 công trình; chuyển tiếp 03 công trình, nhiệm vụ; khởi công mới 12 công trình, nhiệm vụ; chuẩn bị đầu tư 06 công trình); chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương (dự kiến 20 công trình); chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

<sup>15</sup> Một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2023: (1) Công trình Đường nội thị huyện Phú Thiện có kế hoạch vốn cao (chiếm 23% tổng kế hoạch vốn)<sup>15</sup>, hiện nay còn vướng mắc về công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng; việc xác định giá đất phải thuê tư vấn thực hiện và phải thực hiện qua nhiều bước thủ tục nên cần nhiều thời gian để thực hiện. (2) Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Phú Thiện (thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM), hiện nay có các vướng mắc về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên phải chờ xin UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện; vướng mắc về công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng; việc xác định giá đất phải thuê tư vấn thực hiện và phải thực hiện qua nhiều bước thủ tục nên cần nhiều thời gian để thực hiện. (3) Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương do các xã thực hiện có khó khăn, cụ thể: cấp xã thiếu cán bộ có chuyên môn về xây dựng, khó khăn trong huy động vốn đóng góp từ nhân dân (do xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, điều kiện kinh tế nhân dân còn khó khăn), khó khăn trong việc đầu tư mặt đường BTXM rộng 5,5m (mức huy động đóng góp cao, hiện trạng đường nhỏ hẹp, thiếu kinh phí để bồi thường, hỗ trợ GPMB). (4) Hiện nay, việc tạm ứng hợp đồng chỉ được 30% theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ nên dẫn đến hạn chế mức giải ngân vốn đầu tư của các dự án khi đã khởi công.

<sup>16</sup> Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 là 18.488,666 triệu đồng để thực hiện dự án Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 là 1.140,371 triệu đồng để thực hiện 02 nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trên địa bàn thị trấn Phú Thiện; kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 là 4.403,531 triệu đồng để thực hiện công trình Sân vận động huyện Phú Thiện; kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 được kéo dài sang năm 2023 là 8.534 triệu đồng để thực hiện dự án 1, dự án 2, dự án 6, dự án 10 thuộc chương trình.

**1.6. Tài nguyên - Môi trường:**

UBND huyện đã tổ chức công bố công khai phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai; Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phú Thiện, tổ chức công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo sự đồng thuận chung trong tổ chức thực hiện; làm cơ sở thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch được duyệt. Hiện đang triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Đã hoàn thành và giao nộp kết quả thống kê đất đai năm 2022; tổ chức triển khai thực hiện thống kê đất đai năm 2023.

Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất được thực hiện tích cực, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai giải quyết số giấy chứng nhận tòn đọng và số giấy chứng nhận đã được đo đạc<sup>17</sup>; đồng thời, tiếp nhận hồ sơ và cho phép các cá nhân, hộ gia đình chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Công tác bồi thường - GPMB thực hiện đầy đủ, theo đúng quy trình<sup>18</sup>; Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện được tập trung tăng cường

<sup>17</sup> Cấp GCN lần đầu: 24.245,68 ha ,trong đó đất ở đô thị 868,67 ha; đất ở nông thôn: 1.552,89 ha; đất nông nghiệp: 21.824,11 ha. Cấp đổi GCN: 15.099.21 ha/28.082 thửa. Tổng diện tích cần cấp GCNQSD đất trên địa bàn huyện là 26.565,02 ha. Đã cấp được 72.656 giấy CNQSD đất tương đương diện tích 24.245,68 ha ,đạt 91.27 %. Chuyển mục đích sang đất ở đạt 0,6 ha, bố trí nhà làm việc Công an Thị trấn 0,09 ha, Trạm y tế Thị trấn Phú Thiện với diện tích 0,12 ha, triển khai 2 khu dân cư Suối Cạn và khu dân cư Chư A Thai với tổng diện tích 8,82 ha và thực hiện các tuyến đường nội thị 3,4 ha.

<sup>18</sup> - 03 tuyến đường nội thị huyện Phú Thiện (*đường Trần Phú, đường Trường Chinh, đường Chu Văn An nối dài*) do Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Thiện là chủ dự án: Đã được UBND huyện phê duyệt Phương án – Dự toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 03 tuyến đường nội thị huyện Phú Thiện (giai đoạn 03). Hiện nay, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện đang làm thủ tục rút tiền để chi trả cho các hộ dân có đất bị thu hồi.

- 05 tuyến đường nội thị huyện Phú Thiện (*đường Đ80, đường Hàm Nghi, đường Wừu, đường Đ22, đường Ngô Gia Tự*) do Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Thiện là chủ dự án: Đến nay, UBND thị trấn Phú Thiện đã cung cấp đầy đủ các thông tin về thửa đất thu hồi, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện dự thảo bồi thường, hỗ trợ về đất (chưa cung cấp đầy đủ các hồ sơ có liên quan); đối với các thông tin một số thửa đất đường Wừu (khu vực đất lúa: Đoạn từ mương thủy lợi đến cuối tuyến), UBND thị trấn Phú Thiện chưa cung cấp khối lượng. Phòng Nông nghiệp & PTNT đã có báo cáo đề xuất khối lượng vướng bồi thường, GPMB. Phòng Kinh tế - Hạ tầng chưa có đề xuất khối lượng vướng bồi thường, GPMB đường Wừu.

- Dự án: Bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai Suối cạn tại thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol và Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai: Đang tổ chức thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định.

- Dự án: Trạm y tế thị trấn Phú Thiện và Dự án Trạm y tế xã Ia Peng: Hiện nay, Hội đồng bồi thường đang tổ chức kê khai, kiểm đếm khối lượng vướng bồi thường. Phòng Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định.

- Dự án: Trường tiểu học Ngô Quyền (Điểm quy hoạch mới): Ngày 31/5/2023, Ban quản lý DA ĐTXD bàn giao mốc bồi thường, GPMB; Hội đồng bồi thường đã tổ chức kê khai, kiểm đếm khối lượng vướng bồi thường, GPMB cho các hộ dân. Tuy nhiên, đến nay Hội đồng bồi thường chưa nhận được báo cáo xác minh của UBND thị trấn Phú Thiện.

thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp phạm theo quy định của pháp luật<sup>19</sup>.

Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hộ chăn nuôi gia súc, xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định của pháp luật.

### **1.7. Tài chính, ngân sách (có báo cáo riêng):**

Thu NSNN tại địa phương thực hiện năm 2023 (*không kể thu trợ cấp, thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu bổ sung ngân sách cấp xã, các khoản tạm thu khác*) là 41.045 triệu đồng, đạt 144,27% so với dự toán tỉnh giao và đạt 102,61% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 95,65% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách huyện, xã thực hiện năm 2023 là 474.135 triệu đồng, chiếm 110,76% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 102,36% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Về lĩnh vực văn hóa, xã hội:**

### **2.1. Giáo dục và Đào tạo:**

Hoạt động dạy và học được triển khai đúng theo chỉ đạo của Sở Giáo dục - Đào tạo, các nhiệm vụ trọng tâm được toàn ngành thực hiện nghiêm túc, tích cực. Năm học 2022-2023, toàn huyện ở ba bậc học mầm non, tiểu học, THCS có 39 trường học với 519 lớp, 16.570 học sinh<sup>20</sup>, chất lượng giáo dục đại trà được duy trì<sup>21</sup>; tham gia, tổ chức các kì thi, hội thi cấp tỉnh, cấp huyện đạt kết quả tốt<sup>22</sup>. Tiếp tục

- Dự án: Nhà thi đấu Đa năng: Hiện nay, đang bổ sung KHSĐ đất 2024.

<sup>19</sup> Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện. Đã tham gia đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra 02 tổ chức khai thác cát xây dựng (Công ty TNHH MTV Đông Thanh Tây Nguyên và công ty TNHH MTV Hoàng Chí). Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng người dân hạ độ cao đất sản xuất để trồng lúa và tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất; phần đất cải tạo vận chuyển ra khỏi khu vực. Trên địa bàn các xã xảy ra 08 trường hợp. Trong đó xã Ayun Hạ 02 trường hợp, Chrôh Pơ nan 01 trường hợp, Chư A Thai 02 trường hợp, Ia Piar 01 trường hợp, xã Ia Sol 02 trường hợp, UBND các xã đã xử phạt 08 trường hợp trên với số tiền 21.800.000 đồng.

<sup>20</sup> Bậc mầm non: 12 trường, 117 lớp, 3.224 cháu; bậc tiểu học: 15 trường, 271 lớp, 8.456 học sinh; bậc THCS: 12 trường, 131 lớp, 4.890 học sinh.

<sup>21</sup> Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ II, phổ cập giáo dục THCS mức độ II, xóa mù chữ mức độ II. Hiện nay, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 83,0%; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 4,4%; huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi là đạt 94,0% và bậc THCS đạt 90,6%;; tỷ lệ huy động học sinh ra lớp 1 đạt 99,7%; huy động học sinh ra lớp 6 đạt 98,8%.

<sup>22</sup> Tham gia Cuộc thi Tài năng tiếng Anh cấp tỉnh có 01 học sinh Trường THCS Trần Quốc Toàn đạt giải Ba. Tham gia Hội thi Tin học trẻ cấp tỉnh, năm 2023: Bậc TH có 01 học sinh Trường TH Chu Văn An đạt giải Ba; 01 học sinh Trường TH Phan Chu Trinh đạt giải Khuyến Khích; bậc THCS: 01 học sinh Trường THCS Trần Quốc Toàn đạt giải Khuyến Khích. Tham gia Cuộc thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh đạt 07 giải (trong đó: 01 giải Nhì; 02 giải Ba, 04 giải Khuyến Khích). Tham gia Giải bơi học sinh phổ thông tỉnh Gia Lai lần thứ ba đạt 01 huy chương Đồng và 01 huy chương Bạc....

thực hiện mô hình trường học bán trú theo chương trình giáo dục phổ thông mới tại 27 trường học; thực hiện mô hình bán trú theo đặc thù của huyện tại 10 trường học<sup>23</sup>.

Đến cuối năm 2023, toàn huyện hiện có 17 trường (06 trường MN, 04 trường TH, 07 trường THCS) đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 43,6%.

## **2.2. Y tế:**

Công tác khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe người dân luôn được chú trọng quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ<sup>24</sup>. Có 10/10 Trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ, đạt 100% kế hoạch; công tác truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thường xuyên được tuyên truyền rộng rãi tới nhân dân. Tổ chức truyền thông về mất cân bằng giới tính tại các thôn, làng đồng bào DTTS và sử dụng các biện pháp tránh thai, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đến với người dân.

Triển khai Kế hoạch kiểm tra ATTP, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành ATTP trong dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP năm 2023; tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện<sup>25</sup>.

## **2.3. Công tác chính sách xã hội:**

Tổ chức thăm, tặng quà cho đối tượng chính sách tiêu biểu và các địa phương nhân dịp lễ, tết. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng chống mại dâm; phòng, chống ma túy; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ và đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai theo kế hoạch. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho các đối tượng người có công, đối tượng bảo trợ xã hội.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn huyện. Kịp thời báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023<sup>26</sup> về UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định. Số lao động được

<sup>23</sup> 01 trường THCS Nguyễn Tất Thành là không thực hiện vì không có đối tượng.

<sup>24</sup> Năm 2023 toàn huyện Phú Thiện đã thành lập 23 đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm. Trong đó: tuyến huyện: 03 đoàn, tuyến xã: 30 đoàn. Tuyến huyện đã kiểm tra được 50 cơ sở, trong đó 47 cơ sở đạt, 03 cơ sở vi phạm bị xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính: 6.000.000 đồng. Tuyến xã đã kiểm tra được 339 cơ sở, trong đó: 292 cơ sở đạt, 47 cơ sở vi phạm, nhắc nhở.

<sup>25</sup> Năm 2023 toàn huyện Phú Thiện đã thành lập 23 đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm. Trong đó: tuyến huyện: 03 đoàn, tuyến xã: 30 đoàn. Tuyến huyện đã kiểm tra được 50 cơ sở, trong đó 47 cơ sở đạt, 03 cơ sở vi phạm bị xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính: 6.000.000 đồng. Tuyến xã đã kiểm tra được 339 cơ sở, trong đó: 292 cơ sở đạt, 47 cơ sở vi phạm, nhắc nhở.

<sup>26</sup> kết quả giảm nghèo năm 2023: Tổng số hộ dân cư toàn huyện: 19.765 hộ/86.693 khẩu, trong đó hộ đồng bào DTTS là 11.292 hộ/54.137 khẩu; Tổng số hộ nghèo là 1.000 hộ/tổng số 19.765 hộ dân, tương đương 5,06%, trong

*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
 tạo việc làm mới là 3.100 người, đạt 100% kế hoạch năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 61%, đạt 100% kế hoạch năm 2023.

Hội chữ thập đỏ huyện đã tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các mạnh thường quân triển khai tốt các chương trình mang tính chất nhân đạo; Tổng giá trị hoạt động nhân đạo trong năm 2023 của huyện đạt trên 10,6 tỷ đồng, đạt 353% kế hoạch năm 2023 và 124% so với cùng kỳ năm 2022.

Các chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện được triển khai đầy đủ, đúng với quy định. Năm bắt tiến độ triển khai thực hiện của các chương trình MTQG Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng tháng. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cho người có uy tín trên địa bàn theo đúng quy định.

Thực hiện Đề án phát triển kinh tế xã hội 4 làng Đôn, xã Chư A Thai giai đoạn II, đến nay các cơ quan, địa phương được giao đã thực hiện được 04/07 nhiệm vụ; đang thực hiện 03/07 nội dung ((1) Hỗ trợ chăn nuôi, (2) Mở lớp đào tạo nghề, (3) Mức thu nhập bình quân đầu người/năm).

#### **2.4. Văn hóa - thông tin, truyền thanh - truyền hình, du lịch:**

Việc thực hiện nhiệm vụ văn hóa - thông tin năm 2023 đã có chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, bước đầu có những tác động lớn trong đời sống kinh tế - xã hội. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các dịch vụ văn hóa công cộng được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh các vi phạm, từng bước đưa các hoạt động văn hóa đi vào nề nếp theo quy định của pháp luật, góp phần vào việc gìn giữ và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Đẩy mạnh triển khai Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 16/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch huyện Phú Thiện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Công tác bảo tồn bản sắc văn hóa được quan tâm đẩy mạnh. Các di sản văn hóa trên địa bàn đã được quan tâm đầu tư tôn tạo, phát huy giá trị, đặc biệt di tích lịch sử - văn hóa Plei Ôi đã được đầu tư với một số hạng mục công trình góp phần quan trọng vào bảo tồn văn hóa tại địa phương.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ngày càng được mở rộng và từng bước đi vào thực chất trong đời sống xã hội; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có tiến bộ, hệ thống thiết chế văn

---

đó hộ nghèo DTTS 829 hộ/tổng 11.292 hộ DTTS, tương đương 7,34%; Tổng số hộ cận nghèo là 1.894 hộ/19.765 hộ dân, tương đương 9,58%, trong đó hộ cận nghèo DTTS 1.470 hộ/ tổng 11.292 hộ DTTS, tương đương 13,04%.

hóa cơ sở được duy trì phát triển, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân. Hoạt động tham quan di tích Plei Ôi và tại Hồ Ayun Hạ vào dịp Tết Nguyên đán thu hút được hơn 6.500 lượt khách tham quan. Trong đó: Hồ Ayun Hạ hơn 5.650 và di tích Plei Ôi hơn 850 lượt khách tham quan. Tổ chức Lễ cầu mưa của Yang Pota Apui; Tổng lượt khách tham quan là: 7.850 lượt người<sup>27</sup>.

Trung tâm VH-TT&TT đã sản xuất và đưa được 260 chương trình phát thanh (đạt 100% KH năm)<sup>28</sup>; sản xuất được 12 chuyên mục phát thanh phát trên sóng Đài PT-TH tỉnh (đạt 100% kế hoạch năm). Thực hiện 12 chuyên mục truyền hình và 31 tin truyền hình phát trên sóng Đài PT-TH tỉnh; sản xuất 11 phóng sự truyền hình chiếu tại huyện.

### **3. Về lĩnh vực nội chính:**

#### **3.1. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương:**

Năm 2023, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện cơ bản được giữ vững ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm 2022. Không xảy ra các hoạt động phục hồi FULRO, “TLĐG”, hoạt động trốn, không các vụ việc phức tạp, hình thành điểm nóng. Số đối tượng FULRO lưu vong, số đối tượng trốn sang Thái Lan vẫn liên lạc, chỉ đạo vào bên trong địa bàn, trong đó đẩy mạnh việc sử dụng các trang mạng xã hội để tiến hành các hoạt động liên lạc, trao đổi thông tin. Các vụ việc an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo cơ bản ổn định. Tình hình an ninh chính trị nội bộ, văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin chưa có vụ việc phức tạp.

Lực lượng chức năng tiếp tục duy trì các chế độ trực ở hai cấp huyện và xã theo quy định; chỉ đạo dân quân các xã, thị trấn, các đơn vị tự vệ phối hợp với lực lượng công an đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong mọi tình huống, đặc biệt vào các ngày cao điểm, dịp lễ, tết... Triển khai điều chỉnh hệ thống kế hoạch SSCĐ thường xuyên theo quy định và tổ chức luyện tập theo phương án sẵn sàng xử lý các tình huống xảy ra.

Tổ chức giao quân đạt tỷ lệ 100%; tiếp nhận 158 quân nhân xuất ngũ năm 2023, đăng ký và sắp xếp vào đơn vị DBĐV theo quy định. Rà soát, phúc tra quân nhân dự bị động viên đúng quy định; tổ chức đăng ký độ tuổi 17 và 18-25 tuổi chưa

<sup>27</sup> Cụ thể tại Di tích Plei Ôi 7.100 lượt; Ia Piar: 500 lượt; Hồ sen xã Ia Yeng: 250 lượt.

<sup>28</sup> 52 chương trình phát thanh tiếng Jrai, 52 chương trình tuyên truyền 10 phút và 12 chương trình phát thanh đặc biệt được phát vào các ngày Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, 1/5, 2/9,... với tổng số 1.980 tin, 135 bài phóng sự.



*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
đăng ký, phúc tra độ tuổi 18-27 tuổi sẵn sàng nhập ngũ. Triển khai đăng ký nghĩa vụ quân sự và thực hiện quy trình các bước công tác tuyển quân năm 2024.

### **3.2. Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội:**

- **Phạm pháp hình sự:** Xảy ra 20 vụ<sup>29</sup> (so với năm 2022 tăng 01 vụ, 21/20 vụ) các vụ phạm pháp làm chết 02 người, bị thương 06 người, thiệt hại tài sản ước tính 380.000.000 VNĐ. Liên quan đến người DTTS có 11 vụ/16 đối tượng. Bắt, xử lý 25 đối tượng. Về địa bàn có 05/10 xã, thị trấn xảy ra tội phạm<sup>30</sup>. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ phạm pháp do người dân mất cảnh giác trong công tác quản lý tài sản, để đối tượng lợi dụng trộm cắp tài sản, do mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt, do sử dụng chất kích thích (rượu, bia) dẫn đến hành vi gây thương tích, giết người.

- **Tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng chức vụ:** Phát hiện 12 vụ/13 đối tượng<sup>31</sup> (So với cùng kỳ 2022 tăng 08 vụ, 12/4 vụ), đã xử lý hành chính 11 vụ/11 đối tượng, tổng số tiền: 5.925.000 VNĐ. Còn 01 vụ/02 đối tượng chuyển Hạt kiểm lâm huyện Phú Thiện xử lý theo thẩm quyền.

- **Tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy:** Qua công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và các vi phạm pháp luật về ma túy trên địa bàn chưa phát hiện có đường dây, ổ nhóm ma túy hoạt động phức tạp.

Phát hiện, xử lý 04 vụ liên quan đến ma túy<sup>32</sup> (so với thời gian cùng kỳ năm 2022 tăng 02 vụ, 4/2 vụ). Đã khởi tố 04 vụ/08 bị can.

- **Tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, vệ sinh ATTP:** Phát hiện xử lý 07 vụ/07 đối tượng vi phạm hành chính lĩnh vực môi trường, chủ yếu liên quan lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm<sup>33</sup>, tổng số tiền 16.250.000 VNĐ. So với cùng kỳ năm 2022 không tăng, không giảm (7/7 vụ).

<sup>29</sup> Trong đó: 06 vụ trộm cắp tài sản, 03 vụ giết người, 01 vụ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 01 vụ đánh bạc, 01 vụ Cố ý làm hư hỏng tài sản, 05 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ vô ý làm chết người, 01 vụ cướp tài sản.

<sup>30</sup> Thị trấn Phú Thiện có 09 vụ, xã Ia Hiao có 05 vụ, Ia Peng có 02 vụ, xã Ia Piar có 02 vụ, xã Ia Ake có 01 vụ và xã Ia Sol có 01 vụ.

<sup>31</sup> Trong đó: Hành vi Buôn bán hàng hóa không có nhãn tiếng việt: 03 vụ; Khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép: 01 vụ; Buôn bán hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ: 06 vụ, lĩnh vực kinh doanh thương mại: 02 vụ.

<sup>32</sup> Trong đó mua bán, tàng trữ 01 vụ; mua bán trái phép chất ma túy 02 vụ, tổ chức sử dụng 01 vụ.

<sup>33</sup> Trong đó: Lĩnh vực ATTP 02 vụ, Lĩnh vực buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 02 vụ, hành vi làm biến dạng địa hình đất 03 vụ.

- **Tai nạn giao thông:** Xảy ra 21 vụ TNGT, làm chết 17 người, bị thương 07 người, hư hỏng 24 xe mô tô, 10 xe ô tô, 01 xe khác, thiệt hại tài sản ước tính khoảng 90tr đồng.

So với cùng kỳ năm 2022: TNGT tăng 02 vụ (21/19 vụ), số người chết giảm 03 người (20/17 người chết), số người bị thương tăng 02 người (07/05 người bị thương).

- **Tình hình cháy nổ:** xảy ra 02 vụ cháy (01 nhà dân tại TT.Phú Thiện, 01 kho nông sản tại xã Ia Ake) thiệt hại 01 căn nhà diện tích 70m<sup>2</sup>, trị giá 200 triệu và 01 kho nông sản diện tích 450m<sup>2</sup>, trị giá khoảng 450 triệu đồng (so với thời gian cùng kỳ 2022, tăng 01 vụ - 02/01 vụ).

- **Vụ việc khác:** Xảy ra 9 vụ làm chết 09 người (01 vụ chết do bệnh lý, 03 vụ chết đuối nước, 04 vụ treo cổ tự tử, 01 vụ tự ngã).

- Công tác đăng ký, quản lý cư trú: Thực hiện tốt công tác giải quyết đăng ký tạm trú; công tác triển khai đăng ký quản lý cư trú trên hệ thống phần mềm; công tác cập nhật, làm sạch dữ liệu. Công tác phối hợp quản lý người nước ngoài, thực hiện tốt công tác quản lý 26 người nước ngoài, 14 Việt kiều về thăm thân, du lịch và làm việc. Triển khai thực hiện tốt công tác làm sạch DLDC, công tác cấp CCCD: Thu nhận 3.844 CCCD (*cấp mới: 2.928, cấp đổi: 488, cấp lại: 428*). Tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký tài khoản định danh điện tử: Cấp 30.316 tài khoản định danh điện tử cho công dân có nhu cầu. Tiếp nhận 4.403 CCCD do cục C06 chuyển phối hợp Bưu điện huyện chuyển phát tận nhà cho công dân.

- Công tác triển khai Đề án 06: Công an huyện chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện<sup>34</sup>. Triển khai các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các Đội nghiệp vụ, Công an xã thực hiện Đề án 06 để thực hiện<sup>35</sup>.

- Công tác quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Tổng 57 cơ sở kinh doanh<sup>36</sup>. Cấp mới 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT<sup>37</sup>; Tổ chức kiểm tra

---

<sup>35</sup> Tham mưu Lãnh đạo Công an huyện ban hành Kế hoạch triển khai DVC trực tuyến đối với các lĩnh vực theo chức năng CSQLHC về TTXH như: lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú, CCCD, PCCC, ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Tham mưu Lãnh đạo Công an huyện chỉ đạo các Đội nghiệp vụ có liên quan; Công an các xã thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án 06; triển khai tiếp nhận, giải quyết các TTHC qua DVC mức độ 3, 4 (*Hiện đã tiếp nhận giải quyết TTHC qua DVC mức độ 4 đối với TTHC: Thông báo lưu trú, Nộp phạt giao thông; mức độ 3 với thủ tục đăng ký thường trú*).

<sup>36</sup> Kinh doanh lưu trú: 16 cơ sở, 32 người làm nghề. Dịch vụ cầm đồ: 15 cơ sở, 30 người làm nghề. Kinh doanh karaoke: 05 cơ sở, 10 người làm nghề. Kinh doanh khí đốt hóa lỏng (*kinh doanh gas*): 21 cơ sở, 40 người làm nghề.

<sup>37</sup> Cụ thể Nhà nghỉ Hà Thành, Cầm đồ Hà Hà.

57 cơ sở ngành nghề kinh doanh có điều kiện, kiến nghị 61 tồn tại, thiếu sót; xử phạt VPHC: 0 cơ sở phạt tiền.

- Công tác quản lý VK, VLN, CCHT và pháo, triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động thu gom VK, VLN, CCHT<sup>38</sup>.

- Vụ việc liên quan đến pháo nổ: Vận động 01 đối tượng tự nguyện giao nộp 04 hộp pháo có trọng lượng 8.5kg. Bắt giữ 01 vụ, 02 đối tượng có hành vi vận chuyển 04 hộp pháo trái phép, trọng lượng 8.5kg pháo (đã khởi tố 01 vụ/01 đối tượng).

### **3.3. Công tác nội vụ, tôn giáo:**

Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, xây dựng chính quyền cơ sở, công tác thanh niên, QLNN về văn thư - lưu trữ, thi đua khen thưởng được triển khai thực hiện tốt, đúng theo quy định của Nhà nước<sup>39</sup>.

Tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn huyện cơ bản ổn định theo danh mục, chương trình đã đăng ký. Tổ chức thăm, tặng quà các tổ chức tôn giáo nhân dịp Tết nguyên đán năm 2023. Ban hành kế hoạch tranh thủ các chức sắc, chức việc tôn giáo trong dịp lễ phục sinh năm 2023. Chấp thuận việc chuyển địa điểm sinh hoạt tôn giáo của nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung thuộc hội thánh Ia Hiao. Ban hành kế hoạch thăm và chúc mừng tổ chức tôn giáo nhân dịp lễ Phật đản năm 2023; tăng cường ngăn chặn hoạt động của pháp luân công.

### **3.4. Công tác cải cách hành chính:**

UBND huyện đã ban hành kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC trên địa bàn huyện năm 2023. Tham gia trả lời phiếu

<sup>38</sup> Vận động được 88 súng cồng tự chế, 12 súng kíp; 02 quả đạn 105mm, 16 viên đạn AK, 12 linh kiện, 85 viên đạn chì, 09 dao kiếm tự chế. Phối hợp với Công an các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền pháp luật liên quan đến lĩnh vực VK, VLN, CCHT và pháo nổ thu hút trên 3.550 người tham gia; tổ chức đăng 65 lượt bài tuyên truyền trên trang Facebook của Công an các xã, thị trấn. Tổ chức tuyên truyền 91 băng rôn về tác hại của VK, VLN, CCHT, súng tự chế, bom mìn sót lại sau chiến tranh; phát trên 2.578 tờ rơi tuyên truyền VK, VLN, CCHT.

<sup>39</sup>Phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND xã Chư A Thai; miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Chính trị viên BCHQS xã Ia Hiao; miễn nhiệm ủy viên UBND huyện đối với ông Ksor Dương; bổ nhiệm lại chức vụ Chánh thanh tra huyện đối với ông Mai Quốc Huy; bổ nhiệm bà Huỳnh Thị Tư, Phó Trưởng Phòng LĐ-TBXH huyện giữ chức vụ Trưởng Phòng LĐ-TBXH huyện; tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tinh, Hiệu trưởng Trường THCS Hoàng Hoa Thám giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng GD-ĐT huyện; đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ tiếp nhận 01 cán bộ xã vào công chức cấp huyện và cho ra khỏi biên chế hành chính đối với 01 công chức cấp huyện; tiếp nhận 01 viên chức vào công tác tại Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao huyện; cho thôi việc theo nguyện vọng đối với 01 công chức cấp huyện. Bổ nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng BCH quân sự xã Chrôh Ponan; đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy xem xét, cho ý kiến về nhân sự giới thiệu bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025; nhân sự đưa ra khỏi quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025; nhân sự quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026-2031; danh sách quy hoạch chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường học giai đoạn 2022-2026.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai  
điều tra xã hội học để đánh giá chỉ số CCHC năm 2022. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của huyện năm 2022 theo quy định.

Tích cực, chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết công việc chuyên môn; tăng cường ứng dụng thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành liên thông 4 cấp, họp trực tuyến trong quá trình thực thi công vụ nhằm đảm bảo thông tin được trao đổi kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi.

Đẩy mạnh triển khai tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích và nộp hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn huyện.

Việc sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp đã được thực hiện thường xuyên, ổn định. Trang thông tin điện tử của huyện và Trang thông tin điện tử thành phần các xã, thị trấn đăng tải đầy đủ, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã, đồng thời đăng tải những thông tin về tình hình phát triển kinh tế, xã hội của huyện...

**PHẦN II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023****I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT****1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phú Thiện được phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-UBND, ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Gia Lai, sau thời gian triển khai thực hiện, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện đạt được kết quả như sau:

**1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu phân bổ diện tích các loại đất**

- Đất nông nghiệp: diện tích phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 44.213,20 ha, kết quả thực hiện là 44.356,24 ha, đạt tỷ lệ 100,32% kế hoạch phê duyệt (cao hơn 143,04 ha so với kế hoạch được duyệt).

- Đất phi nông nghiệp: diện tích phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 4.469,12 ha, kết quả thực hiện là 4.328,77 ha, đạt tỷ lệ 96,86% so với kế hoạch phê duyệt (thấp hơn 140,35 ha so với kế hoạch được duyệt).

- Đất chưa sử dụng: diện tích phê duyệt kế hoạch năm 2023 là 1.834,50 ha, kết quả thực hiện là 1.831,81 ha, đạt tỷ lệ 99,85% kế hoạch phê duyệt.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Phú Thiện đạt được như bảng tổng hợp sau đây:

**Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Thiện**

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>44.213,20</b>	<b>44.356,24</b>	<b>143,04</b>	<b>100,32</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.027,43	9.035,28	7,85	100,09
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.865,69</i>	<i>7.865,69</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.141,18	20.581,07	439,88	102,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.393,53	1.410,64	17,11	101,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98	4.167,98	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42	8.791,42	-	100,00
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.291,06</i>	<i>8.291,06</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,22	298,22	-	100,00
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	393,42	71,62	-321,80	18,20
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.469,12</b>	<b>4.328,77</b>	<b>-140,35</b>	<b>96,86</b>

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.1	Đất quốc phòng	CQP	7,75	16,60	8,85	214,24
2.2	Đất an ninh	CAN	2,60	2,69	0,09	103,46
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	38,00	-	-38,00	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,84	2,88	-1,96	59,48
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,51	13,36	-3,15	80,92
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66	22,66	-	100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	65,66	56,99	-8,67	86,80
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.800,86	1.714,36	-86,50	95,20
-	Đất giao thông	DGT	887,02	871,17	-15,85	98,21
-	Đất thủy lợi	DTL	678,28	677,28	-1,00	99,85
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,98	2,98	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,84	5,60	-0,24	95,89
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,19	48,61	-1,58	96,86
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	26,04	25,34	-0,70	97,31
-	Đất công trình năng lượng	DNL	65,44	0,70	-64,74	1,06
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,29	0,29	-	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,96	1,54	-0,42	78,56
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,72	4,72	-	100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	5,00	3,03	-1,97	60,61
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	70,57	70,57	-	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,55	2,55	-	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93	7,93	-	100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65	5,65	-	100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.211,20	1.206,37	-4,83	99,60
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	322,79	316,60	-6,19	98,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,53	20,53	-	100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17	5,17	-	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15	0,15	-	100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89	911,89	-	100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06	24,06	-	100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	0,90	-	100,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.834,50</b>	<b>1.831,81</b>	<b>-2,69</b>	<b>99,85</b>

Các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Thiện đạt được kết quả cụ thể như sau:

### **1.1.1. Đất nông nghiệp:**

Theo kế hoạch phê duyệt là 44.213,20 ha, kết quả thực hiện là 44.356,24 ha, cao hơn 143,04 ha so với kế hoạch, giảm 24,71 ha so với hiện trạng năm 2022 (44.380,95 ha).

Chi tiết các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 9.027,43 ha, kết quả thực hiện là 9.035,28 ha, cao hơn 7,85 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 7.865,69 ha, kết quả thực hiện là 7.865,69 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Theo kế hoạch phê duyệt là 20.141,18 ha, kết quả thực hiện là 20.581,07 ha, cao hơn 439,88 ha so với kế hoạch, giảm 18,14 ha so với hiện trạng năm 2022 (20.599,21 ha).

Cụ thể, năm 2023, giảm 18,14 ha diện tích đất trồng cây hàng năm khác do thực hiện hoàn thành hạng mục chuyển mục đích sử dụng đất đối với các công trình, dự án sau đây:

+ Công trình đường Chu Văn An (đoạn từ đường Trường Chinh đến bờ kè sông Ba) - Thị trấn Phú Thiện;

+ Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn - Xã Ia Sol;

+ Đường Trường Chinh - Thị trấn Phú Thiện;

+ Đường Trần Phú - Thị trấn Phú Thiện;

+ Trạm y tế thị trấn Phú Thiện;

+ Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai;

+ Thao trường Ia Hiao - Xã Ia Hiao;

+ Chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở: (0,23 ha).

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 1.393,53 ha, kết quả thực hiện là 1.410,64 ha, cao hơn 17,11 ha so với kế hoạch, giảm 6,57 ha so với hiện trạng năm 2022 (1.417,21 ha).

Cụ thể, năm 2023, giảm 6,57 ha diện tích đất trồng cây lâu năm do thực hiện hoàn thành hạng mục chuyển mục đích sử dụng đất đối với các công trình, dự án sau đây:

+ Công trình: Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Trường Chinh đến bờ kè sông Ba) - Thị trấn Phú Thiện;

+ Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn - Xã Ia Sol;

+ Đường Trường Chinh - Thị trấn Phú Thiện;

+ Đường Trần Phú - Thị trấn Phú Thiện;

+ Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai - Xã Chư A Thai;

+ Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở: (0,37 ha).

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 4.167,98 ha, kết quả thực hiện là 4.167,98 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 8.791,42 ha, kết quả thực hiện là 8.791,42 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

+ Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 8.291,06 ha, kết quả thực hiện là 8.291,06 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 298,22 ha, kết quả thực hiện là 298,22 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 393,42 ha, kết quả thực hiện là 71,62 ha, thấp hơn 321,80 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

### **1.1.2. Đất phi nông nghiệp:**

Chỉ tiêu diện tích kế hoạch năm 2023 là 4.469,12 ha, kết quả thực hiện là 4.328,77 ha, thấp hơn 140,35 ha so với kế hoạch, tăng 27,40 ha so với hiện trạng năm 2022 (4.301,37 ha). Trong đó, chi tiết các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 7,75 ha, kết quả thực hiện là 16,60 ha, cao hơn 8,85 ha so với kế hoạch, tăng 14,37 ha so với hiện trạng năm 2022 (2,23 ha).

Cụ thể, diện tích đất quốc phòng tăng 14,37 ha do nhận 11,77 ha từ đất trồng cây hàng năm chuyển sang và nhận 2,60 ha từ đất chưa sử dụng.

(Cập nhật hiện trạng sử dụng và quản lý đất theo Giấy chứng nhận QSD đất có mục đích quốc phòng đối với Thao trường Ia Hiao (đã có quyết định và cấp giấy).

- Đất an ninh: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 2,60 ha, kết quả thực hiện là 2,69 ha, tăng 0,09 ha so với hiện trạng năm 2022 (2,60 ha).



Năm 2023, thực hiện hoàn thiện hồ sơ giao đất cho Công an thị trấn Phú Thiện.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 38 ha. Chưa thực hiện được.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 4,84 ha, kết quả thực hiện là 2,88 ha, thấp hơn 1,96 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích theo kế hoạch được duyệt 2023 là 16,51 ha, kết quả thực hiện là 13,36 ha, thấp hơn 3,15 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 22,66 ha, kết quả thực hiện là 22,66 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 65,66 ha, kết quả thực hiện là 56,99 ha, thấp hơn 8,67 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.800,86 ha, kết quả thực hiện là 1.714,36 ha, thấp hơn 86,50 ha so với kế hoạch, tăng 7,92 ha so với hiện trạng năm 2022 (1.706,44 ha).

Cụ thể: Đất giao thông tăng 7,80 ha; Đất cơ sở y tế tăng 0,12 ha.

Trong đó, chi tiết các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

+ **Đất giao thông:** Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 887,02 ha, kết quả thực hiện là 871,17 ha, thấp hơn 15,85 ha so với kế hoạch, tăng 7,80 ha so với hiện trạng năm 2022 (863,37 ha).

Diện tích đất giao thông tăng 7,80 ha (trong đó: nhận 4,10 ha từ đất trồng cây hàng năm và nhận 3,70 ha từ đất trồng cây lâu năm). Năm 2023, thực hiện được kế hoạch sử dụng đất cho các dự án phát triển hạ tầng giao thông sau đây: Dự án Đường Chu Văn An (đoạn từ Trường Chinh đến Bờ kè sông Ba, xã Ia Sol), Đường Trường Chinh, Đường Trần Phú; Đầu tư hạng mục hạ tầng giao thông trong các công trình, dự án phát triển khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện: Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai; Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn (Xã Ia Sol).

+ Đất thủy lợi: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 678,28 ha, kết quả thực hiện là 677,28 ha, thấp hơn 1,00 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 2,98 ha, kết quả thực hiện là 2,98 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5,84 ha, kết quả thực hiện là 5,60 ha, thấp hơn 0,24 ha so với kế hoạch, tăng 0,12 ha so với hiện trạng năm 2022 (5,48 ha).

Đất xây dựng cơ sở y tế nhận tăng 0,12 từ đất trồng cây hàng năm chuyển sang do hoàn thành kế hoạch đất Trạm y tế thị trấn Phú Thiện.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 50,19 ha, kết quả thực hiện là 48,61 ha, thấp hơn 1,58 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 26,04, kết quả thực hiện là 25,34 ha, thấp hơn 0,70 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 65,44 ha, kết quả thực hiện là 0,70 ha, thấp hơn 64,74 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 0,29 ha, kết quả thực hiện là 0,29 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1,96 ha, kết quả thực hiện là 1,54 ha, thấp hơn 0,42 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 4,72 ha, kết quả thực hiện là 4,72 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5,00 ha, kết quả thực hiện là 3,03 ha, thấp hơn 1,97 ha so với kế hoạch, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 70,57 ha, kết quả thực hiện là 70,57 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

+ Đất chợ: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 2,55 ha, kết quả thực hiện là 2,55 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 7,93 ha, kết quả thực hiện là 7,93 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 5,65 ha, kết quả thực hiện là 5,65 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.211,20 ha, kết quả thực hiện là 1.206,37 ha, thấp hơn 4,83 ha so với kế hoạch, tăng 4,71 ha so với hiện trạng năm 2022 (1.201,66 ha).

Đất ở tại nông thôn tăng 4,71 ha, do nhận từ đất trồng cây lâu năm (2,63 ha) và đất trồng cây hàng năm chuyển sang.

Năm 2023, thực hiện được Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai và kế hoạch Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn – xã Ia Sol và kế hoạch chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn trên địa bàn các xã.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 322,79 ha, kết quả thực hiện là 316,60 ha, thấp hơn 6,19 ha so với kế hoạch, tăng 0,31 ha so với hiện trạng năm 2022 (316,29 ha).

Đất ở tại đô thị tăng 0,31 ha, do nhận 0,23 ha từ đất trồng cây lâu năm và 0,08 ha đất trồng cây hàng năm chuyển sang.

Năm 2023, thực hiện được 0,31 ha diện tích đất chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn Phú Thiện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 20,53 ha, kết quả thực hiện là 20,53 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 5,17 ha, kết quả thực hiện là 5,17 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,15 ha, kết quả thực hiện là 0,15 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 911,89 ha, kết quả thực hiện là 911,89 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 24,06 ha, kết quả thực hiện là 24,06 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 0,90 ha, kết quả thực hiện là 0,90 ha, kế hoạch không thay đổi diện tích hiện trạng năm 2022.

**1.1.3. Đất chưa sử dụng:** Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 1.834,50, kết quả thực hiện là 1.831,81 ha, giảm 2,69 ha so với hiện trạng năm 2022.

Năm 2023, cập nhật hoàn thiện hồ sơ vị trí đất Công an thị trấn (sử dụng 0,09 ha đất chưa sử dụng) và Thao trường Ia Hiao (sử dụng 2,6 ha đất chưa sử dụng).

#### **1.1.4. Kết quả thực hiện công trình, dự án:**

Năm 2023 có 80 hạng mục công trình, dự án của các ngành, lĩnh vực được phê duyệt (gồm 70 công trình, dự án có sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại các khu vực phù hợp quy hoạch trên địa bàn 9 xã và 1 thị trấn). Các hạng mục công trình, dự án còn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương sẽ chuyển tiếp thực hiện.

Cụ thể như sau:

##### **a) Công trình, dự án đã thực hiện:**

Đối với các công trình, dự án được phê duyệt thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: có 18 hạng mục công trình, dự án hoàn thành/diện tích thực hiện là 27,40 ha;

Hạng mục công trình, dự án đã hoàn thành năm 2023 cụ thể như sau:

**Bảng 2. Hạng mục công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2023**

*Đơn vị diện tích: ha*

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng số:</b>		<b>27,40</b>	
1	Công an thị trấn	CAN	0,09	Thị trấn Phú Thiện

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích thực hiện	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Đường Chu Văn An (đoạn từ đường Trường Chinh đến bờ kè sông Ba)	DGT	1,40	Thị trấn Phú Thiện
3	Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn	ONT	1,92	Xã Ia Sol
-		DGT	1,90	Xã Ia Sol
4	Đường Trường Chinh	DGT	0,80	Thị trấn Phú Thiện
5	Đường Trần Phú	DGT	1,20	Thị trấn Phú Thiện
6	Trạm y tế thị trấn Phú Thiện	DYT	0,12	Thị trấn Phú Thiện
7	Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai	ONT	2,50	Xã Chư A Thai
-		DGT	2,50	Xã Chư A Thai
8	Thao trường Ia Hiao	CQP	14,37	Xã Ia Hiao
9	CMĐ Thị trấn	ODT	0,31	Thị trấn Phú Thiện
10	CMĐ Chư A Thai	ONT	0,02	Xã Chư A Thai
11	CMĐ Ajun Hạ	ONT	-	Xã AYun Hạ
12	CMĐ Ia Ake	ONT	0,05	Xã Ia Ake
13	CMĐ Ia Sol	ONT	0,08	Xã Ia Sol
14	CMĐ Ia Piar	ONT	0,01	Xã Ia Piar
15	CMĐ Ia Peng	ONT	0,05	Xã Ia Peng
16	CMĐ Chroh Ponan	ONT	0,04	Xã Chrôh Ponan
17	CMĐ Ia Yeng	ONT	-	Xã Ia Yeng
18	CMĐ Ia Hiao	ONT	0,04	Xã Ia Hiao

**b) Công trình, dự án chưa triển khai, không còn phù hợp, không cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (hủy bỏ):**

Có 43 hạng mục công trình, dự án không còn phù hợp, không cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (hủy bỏ) cụ thể như sau:

**Bảng 3. Hạng mục công trình, dự án không còn phù hợp, không cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (hủy bỏ)**

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích	Loại đất	Địa điểm (cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu luyện tập CTTSSCĐ huyện	5.52	CQP	Xã Ia Sol
2	Cụm công nghiệp huyện	38.00	SKN	Xã Ia Ake

<b>Số TT</b>	<b>Hạng mục công trình, dự án</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Địa điểm (cấp xã)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Công trình Trạm bơm Bung	1.00	DTL	Xã Ia Yeng
4	Mở rộng Chùa Quang Sơn	0.78	TON	Xã A Yun Hạ
5	Giáo xứ Chrôh Ale	0.61	TON	Xã Ia Peng
6	Đầu tư và hỗ trợ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp)	2.00	SKC	Xã Ia Ake
7	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	2.67	DNL	Các xã: Ia Hiao, Chroh Ponan, Ia Peng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake, Ayun Hạ
8	Đường dây 500 KV TBK Miền Trung - Krông Buk	1.69	DNL	Xã Ia Yeng, Chrôh Ponan, Ia Hiao
9	Trạm Y tế xã Ia Ake	0.12	DYT	Xã Ia Ake
10	Tổ hợp trung tâm thương mại và khách sạn	1.67	TMD	Thị trấn Phú Thiện
11	Chùa Minh Trung	0.30	TON	Thị trấn Phú Thiện
12	Chi Hội Tin lành Bôn Sô A Ma Hang	0.18	TON	Xã Ia Peng
13	Chi hội Tin lành Ia Sol	0.10	TON	Xã Ia Sol
14	Dự án trang trại chăn nuôi	8.50	NKH	Xã Ia Piar
15	Dự án trang trại chăn nuôi	15.42	NKH	Xã Chư Athai
16	Dự án trang trại chăn nuôi	21.00	NKH	Xã Chư Athai
17	Dự án trang trại chăn nuôi	16.17	NKH	Xã Chư Athai
18	Dự án trang trại chăn nuôi	14.30	NKH	Xã Chư Athai
19	Dự án trang trại chăn nuôi	39.35	NKH	Xã Ia Sol
20	Dự án trang trại chăn nuôi	14.00	NKH	Xã Ia Sol
21	Dự án trang trại chăn nuôi	46.40	NKH	Xã Ia Sol
22	Dự án trang trại chăn nuôi	14.46	NKH	Xã Chư Athai
23	Dự án trang trại chăn nuôi	5.60	NKH	Xã Chư Athai
24	Dự án trang trại chăn nuôi	18.53	NKH	Xã Ia Sol
25	Dự án trang trại chăn nuôi	21.24	NKH	Xã Ia Sol
26	Dự án trang trại chăn nuôi	15.00	NKH	Xã Ia Sol
27	Mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi	0.11	DGD	Xã Ia Sol
28	Mở rộng đất Trung tâm thể thao xã Ayun	0.70	DTT	Xã A Yun Hạ

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích	Loại đất	Địa điểm (cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Hạ			
29	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	0.23	TMD	Xã A Yun Hạ
30	Cửa hàng xăng dầu	0.06	TMD	Xã Chư Athai
31	Khu dân cư đường Chu Văn An - TDP 13	17.00	ODT, DGT	Thị trấn Phú Thiện
32	Khu đô thị sinh thái bờ Tây sông Ia Sol	28.12	ODT, DGT	Thị trấn Phú Thiện
33	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng Công ty TNHH MTV Kim Ngân Gia Lai	0.50	SKX	Xã Ia Sol
34	Mặt bằng sân công nghiệp của mỏ cát xây dựng (Công ty cổ phần Trang Xuân)	0.67	SKX	Xã Ia Ake
35	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng Công ty TNHH MTV Đông Thanh Tây Nguyên	0.50	SKX	Xã Chrôh Ponan
36	Nhà máy điện mặt trời Phú Thiện	45.38	DNL	Xã A Yun Hạ
37	Thủy điện Ia Hiao	15.00	DNL	Xã Ia Hiao
38	Chuyển mục đích sang đất TMDV (Cây xăng A9)	0.11	TMD	Xã Ia Piar
39	Chợ thị trấn Phú Thiện	1.23	DCH	Thị trấn Phú Thiện
40	Du lịch sinh thái hồ Ayun Hạ	20.00	MNC	Xã Ayun Hạ; xã Chư A Thai
41	Dự án hiện đại hoá thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	26.10	DTL	Xã Ia Sol, Ia Piar, Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Ake
42	Hội trường thôn Plei Mun Mak	0.08	DSH	Xã Ia Ake
43	Kế hoạch trồng rừng tập trung	108.70	RSX	Xã Ayun Hạ; Chư A Thai; Chrôh Ponan; Ia Ake; Ia Peng; Ia Sol

**c) Công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2024:**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các công trình, dự án đang thực hiện hoặc chưa triển khai thực hiện, còn phù hợp với mục tiêu quốc phòng, an ninh, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sẽ chuyển tiếp cập nhật thực hiện trong năm kế hoạch 2024. Hạng mục công trình, dự án thực hiện chuyển tiếp được

*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
cập nhật tại **Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.**

## 2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

- Năm 2023, tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất là 167,75 ha. Kết quả thực hiện cụ thể:

*Đơn vị diện tích: ha*

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>167,75</b>	<b>24,71</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	7,85	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	136,22	18,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	23,68	6,57

- Kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất:

Tổng diện tích đất cần thu hồi: 74,60 ha. Cụ thể:

*Đơn vị diện tích: ha*

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH năm 2023	Kết quả thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>74,08</b>	<b>18,29</b>
-	Đất trồng lúa	LUA	7,85	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	-	
-	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	65,85	17,91
-	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,38	0,38
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,52</b>	<b>-</b>
-	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,52	-

- Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: Năm 2023, trong kế hoạch cập nhật hoàn thiện hồ sơ vị trí đất Công an thị trấn (sử dụng 0,09 ha đất chưa sử dụng) và Thao trường Ia Hiao (sử dụng 2,6 ha đất chưa sử dụng).



Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH năm 2023	Kết quả thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	
<b>TỔNG</b>			-	<b>2,69</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	-	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	-	-
-	Đất quốc phòng	CQP	-	2,60
-	Đất an ninh	CAN	-	0,09

### 3. Tình hình thực hiện thu, chi có liên quan đến đất đai:

Theo báo cáo năm 2023 của UBND huyện Phú Thiện. Kết quả các khoản thu, chi từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 như sau:

- Các khoản thu:

+ Thu tiền sử dụng đất: 7.875 triệu đồng.

- Các khoản chi:

+ Chi bồi thường, GPMB: 2.638 triệu đồng.

+ Chi nộp quỹ phát triển quỹ đất + xây dựng CSDL: 1.110 triệu đồng.

+ Chi nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai (đo đạc, lập HSDC, cấp GCN, lập kế hoạch sử dụng đất, thống kê đất đai): 1.500 triệu đồng.

+ Chi đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển 2.000 tỷ đồng và chi điều tiết nội dung khác: 627 triệu đồng.

## II. NHỮNG TỒN TẠI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, kết quả thu hồi đất thấp;

- Nhiều công trình, dự án đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất nhưng chậm triển khai hoặc không có khả năng thực hiện;

- Chưa hình thành được cụm công nghiệp; Kêu gọi đầu tư chưa thu hút được nhà đầu tư;

- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của các loại hình sử dụng đất còn thấp so với tiềm năng, nhất là ở các xã có làng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **III. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Công tác triển khai thực hiện công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực chưa kịp tiến độ. Các dự án chậm triển khai, dẫn đến kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất chưa triển khai thực hiện được;

- Một số công trình, dự án đầu tư công của huyện chưa sát với điều kiện thực tế, chưa có lộ trình triển khai dự án phù hợp; do nguồn vốn thực hiện các dự án này chủ yếu được phân bổ theo chương trình mục tiêu quốc gia nên thường kéo dài thời gian giải ngân, công đoạn thi công gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu, giá cả nhiên liệu, vật liệu xây dựng, nguồn san lấp mặt bằng,... dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư hoặc chậm triển khai;

- Đối với các công trình, dự án phát triển hạ tầng, để phát triển kinh tế - xã hội và dự án có sử dụng ngân sách thì nguồn lực để thực hiện phụ thuộc lớn vào cấp tỉnh, Trung ương phân bổ, hỗ trợ, nguồn lực của huyện còn hạn chế: nguyên nhân chính là do thực trạng về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện trong năm vừa qua gặp nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 vẫn chưa ổn định, nguồn thu ngân sách thấp nên việc cân đối kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng trong năm kế hoạch còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; Một số hạng mục trong kế hoạch chưa triển khai được chủ yếu là các hạng mục theo các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch nông thôn mới do các xã không còn quỹ đất công ích mà cần thu hồi đất nên thiếu kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Đối với các dự án kêu gọi đầu tư sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phát triển dân cư đô thị, thương mại dịch vụ chưa thu hút được nhà đầu tư. Tình hình hoạt động của các HTX trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh dẫn đến số lượng thành lập mới HTX không đạt kế hoạch.

- Đối với các dự án để phát triển nông nghiệp khác thì các chủ đầu tư chưa chú trọng hoàn chỉnh hồ sơ dự án đầu tư theo quy định.

- Đối với diện tích trồng rừng: cập nhật diễn biến rừng còn mang tính chất thống kê. Trong đó, việc tổ chức trồng rừng chủ yếu dựa trên tinh thần tự nguyện của nhân dân, diện tích đăng ký trồng rừng nhỏ lẻ, manh mún, rải rác, không tập trung, ở khu vực núi dốc, đá, địa hình hiểm trở, gây khó khăn cho công tác khuyến lâm cũng như theo dõi, hướng dẫn, giám sát trồng, chăm sóc, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Tình hình thời tiết hạn hán, nắng nóng kéo dài trong các năm qua gây tình trạng cây rừng trồng sinh trưởng kém, tỷ lệ chết nhiều (tỷ lệ chết nhiều so với thời điểm mới trồng rừng, có trường hợp cây 2-3 năm vẫn bị chết đứng nên người dân không mặn mà trong công tác trồng rừng).

Diện tích đất lâm nghiệp để trồng rừng theo Các dự án trồng rừng của UBND tỉnh hầu hết là của người đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế rất khó khăn, thuộc hộ nghèo, cận nghèo, do đó người dân không có kinh phí để tự túc mua giống trồng rừng. Phần lớn diện tích đăng ký trồng rừng ở đồi núi cao, xa khu vực dân cư, chi phí vận chuyển, công trồng, chăm sóc, phân bón, ... là rất cao so với mức hỗ trợ (trong khi đó người dân phải tự túc kinh phí trong quá trình triển khai công tác xử lý thực bì, đào hố và mua cây giống trồng rừng có nguồn gốc xuất xứ từ cơ sở sản xuất giống hợp pháp).

\*Cụ thể đối với chỉ tiêu loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 như sau:

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, kết quả thu hồi đất thấp: Trong kế hoạch năm 2023 cần chuyển mục đích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm sang diện tích đất phi nông nghiệp và diện tích đất nông nghiệp khác, tuy nhiên chỉ thực hiện được một phần diện tích nhỏ chuyển sang đất ở và đất hạ tầng công cộng, còn các chỉ tiêu chuyển sang các loại đất khác chưa thực hiện được do các dự án có mục đích phi nông nghiệp và dự án phát triển nông nghiệp khác chưa triển khai; một số công trình, dự án đang triển khai.

- Đất nông nghiệp khác: hiện nay các dự án phát triển nông nghiệp khác đang triển khai, chưa thực hiện hạng mục chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đất quốc phòng: chưa thực hiện được kế hoạch đầu tư xây dựng công trình quốc phòng Khu luyện tập CTTSSCĐ huyện trên địa bàn xã Ia Sol. Tạm ngừng thực hiện.

- Đất cụm công nghiệp: chưa thực hiện được.

- Đất thương mại, dịch vụ: năm 2023 dự kiến tăng 1,96 ha đất thương mại, dịch vụ để thực hiện các công trình dự án có mục đích thương mại, dịch vụ sau: Tổ hợp trung tâm thương mại và khách sạn (Thị trấn Phú Thiện); Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (Xã A Yun Hạ); Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (để xây dựng Cửa hàng xăng dầu trên địa bàn xã Chư A Thai). Hiện nay đã quá thời gian quy định về triển khai dự án mà chưa thực hiện. Ngừng triển khai.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: năm 2023 dự kiến tăng 3,15 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh: Đầu tư và hỗ trợ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp) trên địa bàn xã Ia Ake. Trong đó: dự án Đầu tư và hỗ trợ cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp) trên địa bàn xã Ia Ake chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện. Ngừng triển khai.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: năm 2023 dự kiến tăng 8,67 ha đất sản xuất vật liệu xây dựng để thực hiện xây dựng mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa vật liệu xây dựng tại các vị trí được cấp phép. Đang thực hiện. Chuyển tiếp thực hiện.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Trong đó,

+ *Đất giao thông*: năm 2023 thực hiện được 7,80 ha. Cụ thể:

Hiện nay, đã thực hiện hoàn thành được các dự án: Đường Chu Văn An (đoạn từ Trường Chinh đến Bờ kè sông Ba, xã Ia Sol), Đường Trường Chinh, Đường Trần Phú; Đầu tư hạng mục hạ tầng giao thông trong các công trình, dự án phát triển khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện: Dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai; Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn (Xã Ia Sol).

Các công trình, dự án: Mở rộng đường Wừu, Đường D22, Đường Trần Hưng Đạo, Đường Ngô Gia Tự, Đường Hàm Nghi; và Đường giao thông huyện Phú Thiện trên địa bàn các xã: xã Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake; Đầu tư hạng mục hạ tầng giao thông trong dự án phát triển khu dân cư đô thị trên địa bàn huyện: Khu dân cư đường Chu Văn An - TDP 13 chưa triển khai được, tạm ngừng thực hiện.

+ *Đất thủy lợi*: năm 2023 dự kiến tăng 1,00 ha đất thủy lợi; Để thực hiện kế hoạch đầu tư công trình Trạm bơm Bung tại xã Ia Yeng. Đến nay đã quá thời gian triển khai theo quy định về triển khai thực hiện dự án. Ngừng triển khai.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: năm 2023 dự kiến tăng 0,36 ha đất xây dựng cơ sở y tế. Thực hiện được 0,12 ha. Trong đó: hoàn thành kế hoạch đầu tư trạm y tế thị trấn Phú Thiện; Trạm y tế xã Ia Ake chưa triển khai được, tạm ngừng thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: năm 2023 dự kiến tăng 1,58 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo để thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng, mở rộng trường học. Trong đó: Kế hoạch đầu tư xây dựng mới Trường TH Ngô Quyền

(Thị trấn Phú Thiện) chuyển tiếp thực hiện; Dự án mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi (Xã Ia Sol): Chưa thực hiện được, tạm ngừng triển khai.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: năm 2023 dự kiến tăng 0,70 ha đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao để thực hiện kế hoạch đầu tư Mở rộng Khu trung tâm văn hoá thể thao xã Ayun Hạ. Chưa thực hiện được, ngừng thực hiện.

+ *Đất công trình năng lượng*: năm 2023 dự kiến tăng 64,74 ha đất công trình năng lượng để thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Dự án Thủy điện Ia Hiao trên địa bàn xã Ia Hiao và triển khai dự án Nhà máy điện mặt trời Phú Thiện trên địa bàn xã A Yun Hạ. Các Dự án đang triển khai. Chuyển tiếp thực hiện.

Dự án Đường dây 500 KV TBK Miền Trung - Krông Buk trên địa bàn các xã Ia Yeng, Chrôh Ponan, Ia Hiao; Dự án Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê trên địa bàn các xã: Ia Hiao, Chroh Ponan, Ia Peng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake, Ayun Hạ chưa thực hiện được, ngừng triển khai;

+ *Đất di tích lịch sử văn hoá*: năm 2023 dự kiến tăng 0,42 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa để triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng tôn tạo Di tích Plei Oi trên địa bàn xã A Yun Hạ. Chuyển tiếp để thực hiện Dự án.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: năm 2023 dự kiến tăng 1,97 ha đất cơ sở tôn giáo để triển khai kế hoạch chuyên mục đích, giao đất cho các cơ sở tôn giáo. Hiện nay chưa thực hiện được, ngừng thực hiện.

- Đất ở tại nông thôn: năm 2023 dự kiến giảm 0,52 ha đất ở tại nông thôn để thu hồi, chuyển mục đích sang các loại đất phát triển hạ tầng giao thông và đất công trình năng lượng; Đồng thời dự kiến tăng diện tích 10,06 ha để thực hiện kế hoạch đấu giá đất, triển khai Dự án bố trí ổn định dân cư... và chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn trên địa bàn các xã tại các khu vực phù hợp với quy hoạch. Trong đó, thực hiện được 4,71 ha (hoàn thành các dự án: Di dời các hộ dân tại khu vực dân cư tự phát Suối cạn tại xã Ia Sol, dự án bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai đã hoàn thành; thực hiện được một phần chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân).

- Đất ở tại đô thị: năm 2023 dự kiến tăng 6,50 ha diện tích đất ở tại đô thị để thực hiện kế hoạch phát triển mở rộng khu dân cư đô thị trên địa bàn thị trấn Phú Thiện. Trong đó: thực hiện được một phần chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị của các hộ gia đình, cá nhân (0,31ha); Các dự án khu dân cư chưa thực hiện được.

**PHẦN III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024****I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI TRONG NĂM KẾ HOẠCH****1. Mục tiêu tổng quát:**

Thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội với các giải pháp tổng thể, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Tăng cường bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch. Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

**2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2024:****2.1. Chỉ tiêu kinh tế:**

- (1) Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010): 11,57%.
- (2) Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010): 4.301,56 tỷ đồng; trong đó, Nông - lâm nghiệp, thủy sản 1.703,38 tỷ đồng; công nghiệp - xây dựng: 915,54 tỷ đồng; thương mại dịch vụ: 1.682,64 tỷ đồng.
- (3) Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông - lâm nghiệp, thủy sản: 40,12 %; Công nghiệp - Xây dựng: 23,72 %; Thương mại - Dịch vụ: 36,17%.
- (4) Tổng mức đầu tư phát triển toàn xã hội: 1.045,6 tỷ đồng.
- (5) Tổng diện tích gieo trồng cả năm: 29.977,9 ha.
- (6) Thu ngân sách trên địa bàn: 39,52 tỷ đồng.
- (7) Thành lập Doanh nghiệp mới: 10 Doanh nghiệp và 02 HTX.
- (8) Thu nhập bình quân đầu người/năm: 47 triệu đồng.
- (9) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 02 xã. Làng NTM theo Chỉ thị 12 của BTV Tỉnh ủy: 07 làng.

**2.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội:**

- (10) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 48,7%.

(11) Tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi: Bậc mẫu giáo 79%, bậc tiểu học 95%; bậc THCS 90,8%. Duy trì mô hình trường học bán trú theo chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn huyện. Duy trì mô hình bán trú tại 11 trường học.

(12) Tỷ lệ học sinh bỏ học so với học sinh toàn ngành: <0,4%.

(13) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,28%.

(14) Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 92%.

(15) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 66%; Số lao động được giải quyết việc làm: 4.000 lao động.

(16) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025): 4,01%. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 1,05%. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong ĐBDTTS: 1,25%.

(17) Duy trì tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%. Số bác sĩ/vạn dân: 4 bác sĩ. Duy trì tỷ lệ Trạm y tế có bác sĩ: 100%. Số giường bệnh/vạn dân: 10 giường.

### **2.3. Các chỉ tiêu về môi trường:**

(18) Tỷ lệ che phủ rừng: 21,08%.

(19) Diện tích trồng rừng: 99,22ha.

(20) Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh: 97%.

(21) Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 77%.

## **II. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ**

Hiện nay, cấp tỉnh chưa phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trong năm kế hoạch; khi có chỉ tiêu phân bổ sẽ cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất.

### **2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực**

#### **2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất:**

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết, còn phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện được tổng hợp theo nhu cầu sử dụng đất từ danh mục công trình, dự án còn phù hợp và được chuyển tiếp thực hiện trong năm kế hoạch 2024, gồm 10 hạng mục công trình, dự án và chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn 9 xã và thị trấn. Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được cập nhật cụ thể tại **Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.**

**2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:**

Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 được tổng hợp trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, nhu cầu sử dụng đất do các xã, thị trấn trực tiếp xác định; nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân đăng ký phù hợp với quy hoạch;

\* Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, phi nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng gồm 38 công trình, dự án/diện tích triển khai thực hiện là 95,93 ha. Cụ thể như sau:

**Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện**

*Đơn vị diện tích: ha*

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)
1	2	3=4+5	4	5	6	7
1	Trụ sở công an xã Ia Sol	0,18		0,18	TSC	Xã Ia Sol
2	Trụ sở Công an xã Chrôh Ponan	0,13		0,13	TSC	Xã Chrôh Ponan
3	Trụ sở công an xã Ayun Hạ	0,14		0,14	TSC	Xã Ayun Hạ
4	Trụ sở Công an xã Ia Hiao	0,10		0,10	TSC	Xã Ia Hiao
5	Trụ sở Công an xã Ia Piar	0,14		0,14	LUC	Xã Ia Piar
6	Đường D22	0,70		0,70	HNK	Thị trấn Phú Thiện
7	Đường Trần Hưng Đạo	1,00		1,00	0,8 ha HNK, 0,2 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện
8	Đường Ngô Gia Tự	0,22		0,22	0,11 ha HNK, 0,11 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện
9	Đường Hàm Nghi	0,08		0,08	HNK	Thị trấn Phú Thiện
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện	5,00		5,00	1,5 ha HNK, 3,0 ha CLN, 0,5 ha ONT	Các xã: Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake
11	Trường TH Ngô Quyền (địa điểm mới)	1,65		1,65	0,97 ha LUA, 0,68 ha HNK	Thị trấn Phú Thiện
12	Trạm y tế xã Ia Peng	0,12		0,12	LUA	Xã Ia Peng
13	Nhà thi đấu đa năng	1,27		1,27	HNK	Thị trấn Phú Thiện



Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)
1	2	3=4+5	4	5	6	7
14	Di tích Plei Ôi (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch)	2,00		2,00	0,93 ha LUA, 1,07 ha HNK	Xã A Yun Hạ
15	Đường D80	0,72		0,72	0,08 ha LUA, 0,5 ha HNK, 0,14 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện
16	Đường Wừu	0,79		0,79	0,59 ha LUA, 0,2 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện
17	Trang trại chăn nuôi heo	13,71		13,71	HNK	Xã Chư A Thai
18	Trang trại chăn nuôi heo	12,44		12,44	HNK	Xã Ia Sol
19	Trang trại chăn nuôi heo	22,20		22,20	HNK	Xã Ia Sol
20	Trang trại chăn nuôi heo	20,00		20,00	HNK	Xã Ia Peng
21	Chuyển mục đích sử dụng đất tại Thị trấn Phú Thiện (các vị trí xen cư)	0,53		0,53	0,38 ha HNK, 0,15 ha NTS	Thị trấn Phú Thiện
22	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Chư A Thai (các vị trí xen cư)	0,31		0,31	0,18 ha HNK, 0,11 ha CLN, 0,02 ha NTS	Xã Chư A Thai
23	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ayun Hạ (các vị trí xen cư)	0,37		0,37	0,29 ha HNK, 0,08 ha NTS	Xã A Yun Hạ
24	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Ake (các vị trí xen cư)	0,10		0,10	HNK	Xã Ia Ake
25	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Sol (các vị trí xen cư)	0,50		0,50	0,1 ha HNK, 0,4 ha CLN	Xã Ia Sol
26	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Piar (các vị trí xen cư)	0,11		0,11	0,08 ha HNK, 0,03 ha CLN	Xã Ia Piar
27	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Peng (các vị trí xen cư)	0,32		0,32	0,18 ha HNK, 0,14 ha CLN	Xã Ia Peng
28	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Chrôh Ponan (các vị trí xen cư)	0,60		0,60	0,4 ha HNK, 0,2 ha CLN	Xã Chrôh Ponan
29	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Yeng (các vị trí xen cư)	0,18		0,18	0,15 ha HNK, 0,03 ha CLN	Xã Ia Yeng
30	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Hiao (các vị trí xen cư)	0,17		0,17	HNK	Xã Ia Hiao

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)
1	2	3=4+5	4	5	6	7
31	Mặt bằng sân công nghiệp nhà máy gạch Tuynel	1,15		1,15	HNK	Xã Chư Athai
32	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50		0,50	HNK	Xã Ia Sol
33	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50		0,50	HNK	Xã Ia Peng
34	Mặt bằng sân công nghiệp và bãi chứa đá Granit của	6,00		6,00	HNK	Xã Ia Ake
35	Khu dân cư Khu Trung tâm hành chính huyện (Đấu giá đất 0,43 ha và bố trí tái định cư 0,43 ha)	0,86	0,86		ODT	Thị trấn Phú Thiện
36	Khu dân cư thôn Thanh Thượng, xã Ayun Hạ	0,04	0,04		ONT	Xã A Yun Hạ
37	Khu Dân cư xã Ayun hạ (thuộc đất 15 hộ dân cấp sai thẩm quyền)	0,70	0,70		ONT	Xã Ayun Hạ
38	Khu dân cư thôn Thắng Lợi (15 lô đất tại thôn Thắng Lợi, xã Ia Sol)	0,40	0,40		ONT	Xã Ia Sol
	<b>Tổng cộng: 38</b>	<b>95,93</b>	<b>2,00</b>	<b>93,93</b>		

\*Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, phi nông nghiệp, được tổng hợp, cân đối trong năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu loại đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Nhu cầu sử dụng đất		Biến động trong kỳ kế hoạch
				Diện tích tăng thêm (+)	Diện tích giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp	PNN	44.356,24	+68,35	-95,06	-26,71
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.328,77	+27,58	- 0,87	26,71
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.831,81	-	-	-

### 3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2024 trên địa bàn huyện Phú Thiện được tổng hợp và cân đối như bảng tổng hợp sau:

**Bảng 5. Cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm kế hoạch 2024**

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ (năm 2023)	Biến động tăng (+) giảm (-)	Diện tích cuối kỳ năm 2024	Cơ cấu sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>50.516,82</b>		<b>50.516,82</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>44.356,24</b>	<b>-26,71</b>	<b>44.329,53</b>	<b>87,75%</b>
1.1.	Đất trồng lúa	LUA	9.035,28	-3,01	9.032,27	17,88%
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.86,69</i>		<i>7.865,69</i>	<i>15,57%</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.581,07	-87,14	20.493,93	40,57%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.410,64	-4,81	1.405,83	2,78%
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98		4.167,98	8,25%
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42		8.791,42	17,40%
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.291,06</i>		<i>8.291,06</i>	<i>16,41%</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,22	-0,10	298,12	0,59%
1.8	Đất làm muối	LMU			-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	71,62	68,35	139,97	0,28%
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.328,77</b>	<b>26,71</b>	<b>4.355,48</b>	<b>8,62%</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,60		16,60	0,03%
2.2	Đất an ninh	CAN	2,69	0,69	3,38	0,01%
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			-	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,88		2,88	0,01%
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	13,36		13,36	0,03%
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66		22,66	0,04%
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	56,99	8,15	65,14	0,13%
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.714,36	13,55	1.727,91	3,42%
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>871,17</i>	<i>8,51</i>	<i>879,68</i>	<i>1,74%</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>677,28</i>		<i>677,28</i>	<i>1,34%</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,98</i>		<i>2,98</i>	<i>0,01%</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,60</i>	<i>0,12</i>	<i>5,72</i>	<i>0,01%</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>48,61</i>	<i>1,65</i>	<i>50,26</i>	<i>0,10%</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>25,34</i>	<i>1,27</i>	<i>26,61</i>	<i>0,05%</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,70</i>		<i>0,70</i>	<i>0,00%</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,29</i>		<i>0,29</i>	<i>0,00%</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>			-	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,54</i>	<i>2,00</i>	<i>3,54</i>	<i>0,01%</i>

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đầu kỳ (năm 2023)	Biến động tăng (+) giảm (-)	Diện tích cuối kỳ năm 2024	Cơ cấu sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,72		4,72	0,01%
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,03		3,03	0,01%
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	70,57		70,57	0,14%
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			-	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			-	
-	Đất chợ	DCH	2,55		2,55	0,01%
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			-	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93		7,93	0,02%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65		5,65	0,01%
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.206,37	3,30	1.209,67	2,39%
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	316,60	1,39	317,99	0,63%
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,53	-0,37	20,16	0,04%
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17		5,17	0,01%
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			-	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15		0,15	0,00%
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89		911,89	1,81%
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06		24,06	0,05%
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90		0,90	0,00%
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.831,81</b>		<b>1.831,81</b>	<b>3,63%</b>

Các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được tổng hợp, cân đối và phân bổ cụ thể như sau:

### 3.1. Đất nông nghiệp:

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, tiến độ triển khai thực hiện công trình, dự án, kế hoạch sử dụng nhóm đất nông nghiệp cụ thể như sau:

Diện tích hiện trạng (năm 2023) là 44.356,24 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 44.329,53 ha, giảm 26,71 ha so với hiện trạng.

Kế hoạch thực hiện cụ thể cho từng chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

#### 3.1.1. Đất trồng lúa:

Diện tích hiện trạng là 9.035,28 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 9.032,27 ha, giảm 3,01 ha so với hiện trạng.

- Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước: Hiện trạng năm 2023 là 7.865,69 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 7.865,69 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- Kế hoạch giảm 3,01 ha đất trồng lúa do chuyển sang các loại đất sau đây:

+ Chuyển 0,32 ha sang đất an ninh;

+ Chuyển 2,69 ha sang đất phát triển hạ tầng.

Đất trồng lúa chuyển sang cho các loại đất hạ tầng sau: Chuyển 0,67 ha sang đất giao thông; Chuyển 0,12 ha sang đất xây dựng cơ sở y tế; Chuyển 0,97 ha sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; Chuyển 0,93 ha sang đất có di tích lịch sử - văn hóa.

Năm 2024, giảm diện tích đất trồng lúa để thực hiện kế hoạch đầu tư các công trình, dự án có mục đích an ninh và phát triển hạ tầng sau đây:

+ Trạm y tế xã Ia Peng.

+ Trụ sở Công an xã Ia Piar.

+ Trường TH Ngô Quyền (địa điểm mới): thị trấn Phú Thiện.

+ Di tích Plei Ơi (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch): xã A Yun Hạ.

+ Đường Wùu, Đường D80: thị trấn Phú Thiện.

### **3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:**

Diện tích hiện trạng, đầu kỳ kế hoạch là 20.581,07 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 20.493,93 ha, giảm 87,14 ha so với hiện trạng.

- Đất trồng cây hàng năm khác giảm 87,14 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển 68,35 ha sang đất nông nghiệp khác;

+ Chuyển 8,15 ha sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm;

+ Chuyển 6,91 ha sang đất phát triển hạ tầng:

Trong đó, chuyển 6,91 ha sang cho các loại đất phát triển hạ tầng sau đây: Chuyển 3,89 ha sang đất giao thông; Chuyển 0,68 ha sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; Chuyển 1,27 ha sang đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; Chuyển 1,07 ha sang đất có di tích lịch sử - văn hóa.

+ Chuyển 2,49 ha sang đất ở tại nông thôn;

+ Chuyển 1,24 ha sang đất ở tại đô thị.

### **3.1.3. Đất trồng cây lâu năm:**

Diện tích hiện trạng là 1.410,64 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1.405,83 ha, giảm 4,81 ha so với hiện trạng.

- Kế hoạch giảm diện tích đất trồng cây lâu năm (giảm 4,81 ha) để chuyển sang cho các loại đất sau đây:

- + Chuyển 3,45 ha sang đất phát triển hạ tầng giao thông.
- + Chuyển 1,21 ha sang đất ở tại nông thôn;
- + Chuyển 0,15 ha sang đất ở tại đô thị.

#### **3.1.4. Đất rừng phòng hộ:**

Diện tích hiện trạng là 4.167,98 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 4.167,98 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

#### **3.1.5. Đất rừng sản xuất:**

Diện tích hiện trạng là 8.791,42 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 8.791,42 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Hiện trạng năm 2023 là 8.291,06 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 8.291,06 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

#### **3.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích hiện trạng là 298,22 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 298,12 ha, giảm 0,10 ha so với hiện trạng.

Kế hoạch năm 2024, giảm 0,10 ha đất nuôi trồng thủy sản để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Chư A Thai và xã Ayun Hạ.

#### **3.1.8. Đất nông nghiệp khác:**

Diện tích hiện trạng, đầu kỳ kế hoạch là 71,62 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 139,97 ha, tăng 68,35 ha so với hiện trạng.

- Đất nông nghiệp khác tăng (68,35 ha) do được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.

### **3.2. Đất phi nông nghiệp:**

Diện tích hiện trạng là 4.328,77 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 4.355,48 ha, tăng 26,71 ha so với hiện trạng.

Kế hoạch phân bổ cho từng chỉ tiêu đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

#### **3.2.1. Đất quốc phòng:**

Diện tích hiện trạng là 16,60 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 16,60 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

**3.2.2. Đất an ninh:**

Diện tích hiện trạng, đầu kỳ kế hoạch là 2,69 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 3,38 ha. Tăng 0,69 ha so với hiện trạng.

- Đất an ninh tăng 0,69 ha do được lấy từ các loại đất sau đây chuyển sang:

+ Lấy từ đất trồng lúa: 0,32 ha;

+ Lấy từ đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,37 ha.

- Năm 2024, dự kiến triển khai kế hoạch bố trí đất phục vụ kế hoạch đầu tư dự án Trụ sở làm việc công an các xã: Xã Ia Sol, xã Chrôh Ponan, xã Ayun Hạ, xã Ia Hiao, xã Ia Piar.

**3.2.3. Đất thương mại dịch vụ:**

Diện tích hiện trạng là 2,88 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 2,88 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

**3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

Diện tích hiện trạng là 13,36 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 13,36 ha. Không thay đổi so với hiện trạng.

**3.2.5. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:**

Diện tích hiện trạng là 22,66 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 22,66 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

**3.2.6. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm:**

Diện tích hiện trạng là 56,99 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 65,14 ha, tăng 8,15 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Tăng do lấy 8,15 ha từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.

- Diện tích tăng thêm để tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa vật liệu xây dựng tại các vị trí được cấp phép, cụ thể như sau:

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Mặt bằng sân công nghiệp nhà máy gạch Tuynel	1,15	Xã Chư A Thai	Công ty CP Phú Bổn
2	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50	Xã Ia Sol	Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Hùng Thịnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50	Xã Ia Peng	Công ty TNHH MTV Hoàng Chi
4	Mặt bằng sân công nghiệp và bãi chứa đá Granit của	6,00	Xã Ia Ake	Công ty TNHH MTV Hiệp Lợi

### 3.2.7. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Diện tích hiện trạng là 1.714,36 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 1.727,91 ha, tăng 13,55 ha so với hiện trạng.

Kế hoạch sử dụng các loại đất phát triển hạ tầng cụ thể như sau:

\* **Đất giao thông:** Diện tích hiện trạng là 871,17 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 879,68 ha, tăng 8,51 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Đất giao thông tăng 8,51 ha do được lấy từ các loại đất sau đây chuyển sang:

- + Lấy 0,67 ha từ đất trồng lúa;
- + Lấy 3,89 ha từ đất trồng cây hàng năm khác;
- + Lấy 3,45 ha từ đất trồng cây lâu năm;
- + Lấy 0,50 ha từ đất ở tại nông thôn;

- Diện tích tăng để tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hạ tầng giao thông nội thị đô thị, nông thôn; để đầu tư hạng mục hạ tầng giao thông trong các công trình, dự án phát triển khu dân cư nông thôn, đô thị trên địa bàn huyện.

\* **Đất thủy lợi:** Diện tích hiện trạng là 677,28 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 677,28 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Diện tích hiện trạng là 2,98 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 2,98 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Diện tích hiện trạng là 5,60 ha. Diện tích đến cuối năm 2023 là 5,72 ha, tăng 0,12 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Diện tích tăng 0,12 ha do được lấy từ đất trồng lúa chuyển sang để tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Ia Peng.

\* **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Diện tích hiện trạng là 48,61 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 50,26 ha, tăng 1,65 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Diện tích tăng 1,65 ha do được lấy từ các loại đất sau đây chuyển sang:



+ Lấy 0,97 ha từ đất trồng lúa;

+ Lấy 0,68 ha từ đất trồng cây hàng năm khác.

- Năm 2024, tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng Trường TH Ngô Quyền trên địa bàn thị trấn Phú Thiện.

\* **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Diện tích hiện trạng là 25,34 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 26,61 ha, tăng 1,27 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Diện tích tăng 1,27 ha từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.

- Năm 2024 triển khai kế hoạch xây dựng Nhà thi đấu đa năng trên địa bàn thị trấn Phú Thiện.

\* **Đất công trình năng lượng:** Diện tích hiện trạng là 0,70 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 0,70 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Diện tích hiện trạng là 0,29 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 0,29 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Diện tích hiện trạng là 1,54 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 3,54 ha, tăng 2,00 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Nhận 0,93 ha do được lấy từ đất trồng lúa chuyển sang.

- Nhận 1,07 ha do được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.

Năm 2024, tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng tôn tạo di tích lịch sử trên địa bàn xã A Yun Hạ: Di tích Plei Oi (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch).

\* **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Diện tích hiện trạng là 4,72 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 4,72 ha, không thay đổi hiện trạng.

\* **Đất cơ sở tôn giáo:** Diện tích hiện trạng là 3,03 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 3,03 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Diện tích hiện trạng là 70,57 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 70,57 ha không thay đổi so với hiện trạng.

\* **Đất chợ:** Diện tích hiện trạng là 2,55 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 2,55 ha, không thay đổi hiện trạng.

### **3.2.8. Đất sinh hoạt cộng đồng:**

Diện tích hiện trạng là 7,93 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 7,93 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### **3.2.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:**

Diện tích hiện trạng, đầu kỳ kế hoạch là 5,65 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 5,65 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### **3.2.10. Đất ở tại nông thôn:**

Diện tích hiện trạng là 1.206,37 ha. Diện tích đến cuối kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1.209,67 ha, tăng 3,30 ha so với hiện trạng, trong đó:

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng là 1.205,87 ha.

- Diện tích giảm 0,50 ha để thu hồi, chuyển mục đích sang đất phát triển hạ tầng giao thông.

- Diện tích tăng 3,80 ha do được lấy từ đất sau đây chuyển sang:

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 2,49 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 1,21 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 0,10 ha.

Năm 2024, tiếp tục thực hiện kế hoạch đấu giá đất tại thôn Thanh Thượng, khu vực 15 hộ cấp sai thẩm quyền tại xã Ayun Hạ; Đấu giá 15 lô đất tại thôn Thắng Lợi, xã Ia Sol; và chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn trên địa bàn các xã tại các khu vực phù hợp với quy hoạch.

### **3.2.11. Đất ở tại đô thị:**

Diện tích hiện trạng là 316,60 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 317,99 ha, tăng 1,39 ha so với hiện trạng.

Trong đó:

- Diện tích tăng 1,39 ha do được lấy từ các loại đất sau đây chuyển sang:

+ Lấy 1,24 ha từ đất trồng cây hàng năm khác.

+ Lấy 0,15 ha từ đất trồng cây lâu năm.

- Năm 2024 tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển mở rộng khu dân cư đô thị trên địa bàn thị trấn Phú Thiện như sau: đấu giá tại khu trung tâm hành chính huyện, chuyển mục đích sử dụng đất tại các vị trí xen cư phù hợp với quy hoạch trên địa bàn thị trấn Phú Thiện.

### **3.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

Diện tích hiện trạng là 20,53 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 20,16 ha, giảm 0,37 ha so với hiện trạng.

Kế hoạch năm 2024: Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,37 ha để chuyển sang cho đất an ninh trên địa bàn các xã phục vụ kế hoạch bố trí đất xây dựng Trụ sở Công an cấp xã.

### 3.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Diện tích hiện trạng là 5,17 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 5,17 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### 3.2.14. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Diện tích hiện trạng là 0,15 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 0,15 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### 3.2.15. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Diện tích hiện trạng là 911,89 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 911,89 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### 3.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Diện tích hiện trạng là 24,06 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 24,06 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

### 3.2.17. Đất phi nông nghiệp khác:

Diện tích hiện trạng là 0,90 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 0,90 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

## 3.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích hiện trạng là 1.831,81 ha. Diện tích đến cuối năm 2024 là 1.831,81 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

Trên cơ sở tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất trong kế hoạch năm 2024; Xác định được chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2024 huyện Phú Thiện được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như bảng tổng hợp sau đây:

**Bảng 6. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện**

*Đơn vị diện tích: ha*

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng diện tích tự nhiên		50.516,8 2	1.344,42	7.527,03	2.550,88	3.313,87	12.069,0 6
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.329,5 3	788,05	6.469,42	2.170,68	2.838,94	10.922,5 5
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.032,27	567,02	1.159,19	463,52	437,62	2.027,98

## Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	7.865,69	564,55	531,29	390,09	378,38	1.858,61
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.493,9 <sub>3</sub>	201,42	4.099,83	1.143,98	1.796,06	6.060,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.405,83	14,54	41,25	282,43	388,86	339,46
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98	-	493,39	87,80	8,27	1.050,17
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42	-	591,97	141,77	191,76	1.313,74
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	8.291,06	-	218,91	140,81	175,72	1.313,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,12	5,08	70,07	49,41	16,37	53,51
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	139,97	-	13,71	1,77	-	77,65
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.355,48</b>	<b>556,03</b>	<b>909,33</b>	<b>341,22</b>	<b>384,48</b>	<b>601,46</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,60	2,23	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	3,38	2,65	-	0,14	-	0,18
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,88	0,57	0,21	0,11	0,57	0,57
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	13,36	-	1,71	1,47	6,90	0,66
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66	-	-	-	13,34	9,32
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	65,14	-	57,78	-	6,00	0,76
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.727,91	136,14	571,54	159,07	115,09	246,68
-	Đất giao thông	DGT	879,68	91,68	131,58	72,16	80,18	182,33
-	Đất thủy lợi	DTL	677,28	11,94	425,10	67,81	20,15	46,22
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,98	1,78	-	0,03	-	0,15
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,72	3,29	0,34	0,15	0,14	0,34
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	50,26	13,52	6,51	5,72	2,62	3,23
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	26,61	8,69	3,32	2,23	-	3,34
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,70	0,02	0,51	-	0,02	0,15
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,29	0,02	0,02	0,04	0,02	0,03
-	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,54	-	-	3,54	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,72	-	-	-	4,72	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,03	2,17	-	0,62	0,04	-

## Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	70,57	2,22	4,16	6,56	7,21	10,34
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,55	0,83	-	0,20	-	0,55
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93	1,24	1,69	0,86	0,44	1,27
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65	5,07	0,57	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.209,67	-	133,48	102,43	125,59	193,30
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	317,99	317,99	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,16	12,72	0,84	0,28	1,56	0,66
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17	1,56	0,38	1,55	0,41	0,99
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15	-	-	0,15	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89	71,64	141,13	75,16	114,58	147,07
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06	4,22	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.831,81</b>	<b>0,34</b>	<b>148,29</b>	<b>38,98</b>	<b>90,45</b>	<b>545,05</b>

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã				
				Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>50.516,8<sub>2</sub></b>	<b>9.149,61</b>	<b>2.127,31</b>	<b>2.032,34</b>	<b>6.678,00</b>	<b>3.724,30</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>44.329,5<sub>3</sub></b>	<b>8.370,90</b>	<b>1.838,21</b>	<b>1.764,25</b>	<b>5.816,66</b>	<b>3.349,87</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.032,27	1.085,36	507,03	622,41	688,77	1.473,37
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	7.865,69	1.079,61	503,59	606,60	688,77	1.264,19
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.493,9 <sub>3</sub>	2.127,37	930,03	679,25	1.634,67	1.821,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.405,83	202,77	81,96	28,76	6,68	19,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98	2.504,13	9,23	-	15,00	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42	2.444,66	225,21	416,50	3.463,86	1,94

## Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã				
				Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	8.291,06	2.414,21	205,74	410,18	3.412,08	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,12	6,61	41,10	15,61	7,68	32,68
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	139,97	-	43,65	1,70	-	1,50
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.355,48</b>	<b>369,23</b>	<b>286,37</b>	<b>225,21</b>	<b>307,72</b>	<b>374,43</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,60	-	-	-	14,37	-
2.2	Đất an ninh	CAN	3,38	0,14	-	0,17	0,10	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,88	0,29	0,05	0,23	0,13	0,14
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	13,36	-	2,60	-	-	0,02
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm	SKX	65,14	-	0,50	0,10	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.727,91	126,20	101,40	87,52	71,42	112,85
-	Đất giao thông	DGT	879,68	74,91	71,97	48,34	44,65	81,87
-	Đất thủy lợi	DTL	677,28	31,42	20,95	21,13	17,19	15,36
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,98	0,21	0,47	0,06	-	0,28
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,72	0,32	0,19	0,26	0,43	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	50,26	5,46	2,74	2,71	2,79	4,97
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	26,61	2,92	0,49	1,76	1,90	1,95
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,70	-	-	-	-	-
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,29	0,03	0,02	-	0,08	0,04
-	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,54	-	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,72	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,03	-	0,21	-	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	70,57	10,94	3,53	13,25	4,38	7,97
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,55	-	0,83	-	-	0,14
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã				
				Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93	0,53	0,83	0,23	0,34	0,49
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.209,67	129,13	126,68	101,73	170,31	127,02
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	317,99	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,16	0,72	0,33	0,88	1,16	1,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17	0,24	-	0,04	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89	105,83	53,07	34,32	49,89	119,22
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06	6,15	-	-	-	13,69
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	-	0,90	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.831,81</b>	<b>409,48</b>	<b>2,73</b>	<b>42,88</b>	<b>553,61</b>	<b>-</b>

#### 4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích:

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 của các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Phú Thiện; kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

Tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất: 26,71 ha. Toàn bộ là đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: 3,01 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 18,79 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 4,81 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,10 ha.

(Diện tích, chỉ tiêu chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã như **Biểu 07/CH** \_Biểu số liệu kế hoạch sử dụng đất kèm theo báo cáo này).

#### 5. Diện tích đất cần thu hồi:

Để thực hiện các công trình, dự án của các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện; kế hoạch thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

Tổng diện tích đất cần thu hồi: 14,24 ha. Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp: 13,37 ha;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 0,87 ha.

(Diện tích, chỉ tiêu chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã như **Biểu 08/CH** \_ **Biểu số liệu kế hoạch sử dụng đất** kèm theo báo cáo này).

#### **6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:**

Hiện nay trên địa bàn huyện còn 1.831,81 ha đất chưa sử dụng.

Năm 2024 huyện không có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(**Mẫu Biểu 09/CH** \_ **Biểu số liệu kế hoạch sử dụng đất** kèm theo báo cáo này).

#### **7. Danh mục công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024:**

Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2024 của các ngành, lĩnh vực gồm 38 hạng mục công trình, dự án/tổng diện tích triển khai 95,93 ha thực hiện trên địa bàn huyện Phú Thiện. Bao gồm các công trình, dự án có sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại các khu vực phù hợp quy hoạch trên địa bàn 9 xã và 1 thị trấn.

Danh mục công trình, dự án, diện tích thực hiện trong kế hoạch năm 2024 chi tiết như **Biểu 10/CH** \_ **Biểu số liệu kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện năm 2024** kèm theo báo cáo này).

#### **8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất:**

##### **8.1. Các căn cứ pháp lý:**

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện được căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;



- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số

Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai  
46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 37/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Dự toán đầu tư công năm 2024 của huyện Phú Thiện;
- Nghị quyết của HĐND huyện, của tỉnh về kế hoạch đầu tư công và danh mục thu hồi đất trong năm 2024;
- Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

## **8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:**

Dự kiến các khoản thu, chi từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 của huyện Phú Thiện như sau:

- Các khoản thu: Thu tiền sử dụng đất: 7.950 triệu đồng.
- Các khoản chi: Chi bồi thường, GPMB: 4.376 triệu đồng; Chi nộp quỹ phát triển quỹ đất, tích hợp xây dựng CSDL: 1.120 triệu đồng; Chi nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai (đo đạc, lập HSĐC, cấp GCN, lập kế hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai, điều chỉnh QH-KH): 2.800 triệu đồng; Chi đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển và chi điều tiết nội dung khác: theo tiến độ, kế hoạch đầu dự án.

**PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN****I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****1. Khai thác khoa học, hợp lý quỹ đất**

- Đối với ngành, lĩnh vực phát triển nông nghiệp:

Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đảm bảo phát triển bền vững. Việc khai thác, sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của từng vùng, từng địa phương.

Sử dụng khai thác đất nông nghiệp khác đúng mục đích, đúng phương án đăng ký, quyết định đầu tư.

Đối với phát triển lâm nghiệp: yêu cầu thực hiện kế hoạch phù hợp với lộ trình quy hoạch phát triển 3 loại rừng đã được duyệt.

Kết hợp nông - lâm nghiệp - thủy sản để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Đối với phát triển ngành, lĩnh vực phi nông nghiệp:

+ Đối với ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế:

Đối với dự án sản xuất, kinh doanh cần thực hiện nghiêm túc phương án đầu tư đã đăng ký theo kế hoạch.

Đối với dự án khai khoáng: Khai thác sử dụng đất khoáng sản, vật liệu xây dựng đúng trữ lượng, đồng thời có các biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái.

Thực hiện đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện;

+ Đối với dự án để phát triển kinh tế, xã hội vì mục đích quốc gia, công cộng: kết hợp loại hình sử dụng đất phù hợp với điều kiện, tập quán sinh sống của người địa phương để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư và hiệu quả kém.

**2. Sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị của đất đai**

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các điểm dân cư nông thôn, khu vực sản xuất, cụm công nghiệp. Đặc biệt ưu tiên tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các khu vực này.

- Đẩy mạnh thực hiện định hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, nâng cao giá trị kinh tế/ha đất trên cơ sở cân nhắc sự phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm

bảo tính bền vững, lâu dài. Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển cơ sở hạ tầng: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ ...

- Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất. Đất đã giao, cho thuê khi hết hạn sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả phải được xử lý và thu hồi theo đúng quy định.

## **II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là nội dung, là nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai mang tính chất kỹ thuật chuyên ngành; Ngoài nguồn lực về nhân lực, kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực đầu tư thì rất cần có nguồn lực nhân lực, kỹ thuật từ cơ quan đơn vị nhà nước để đáp ứng công tác giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch theo nhiệm vụ thường xuyên.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý hành chính công và quản lý đất đai, xây dựng, đô thị, quản lý dự án nhằm nâng cao tinh thần làm việc và chất lượng phục vụ, chất lượng thẩm định, xét duyệt dự án, thoả thuận đầu tư và quản lý dự án đầu tư.

- Nguồn lực vốn là nguồn lực quan trọng, có ý nghĩa lớn mang tính quyết định để thực hiện đầu tư phát triển, đầu tư xây dựng, theo đó:

+ Sử dụng vốn từ các chương trình mục tiêu, sử dụng nguồn vốn vay hỗ trợ có hiệu quả thông qua các chương trình giám sát cụ thể nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng; Nguồn vốn cần được phân bổ và giải ngân sớm để thực hiện.

Ưu tiên sử dụng nguồn vốn này cho các công trình hạ tầng quan trọng, các công trình trọng điểm về giao thông, thuỷ lợi, cấp điện, cấp nước, các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hoá, giáo dục,... và các dự án thuộc các nhóm ngành công nghiệp, thương mại đòi hỏi vốn đầu tư lớn, khó thu hồi vốn hoặc có thời gian thu hồi vốn kéo dài, nhóm ngành có khả năng ảnh hưởng, tác động lan toả đến các ngành khác.

+ Huy động nguồn lực từ nhân dân: kêu gọi, khuyến khích, tuyên truyền vận động nhân dân, doanh nghiệp đồng hành thông qua các chương trình, đề án “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, nhất là đối với đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thuỷ lợi,...

Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ gia đình mở rộng, nâng cấp và thành lập các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Định hướng và có các biện pháp hỗ trợ người dân trong quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường, nguồn nhân lực và hỗ trợ tín dụng cho người dân. Thông qua các kênh tài chính, tín dụng trên địa bàn để huy động nguồn vốn nhân rồi trong dân và thực hiện đầu tư thông qua kênh tín dụng cho các doanh nghiệp, hộ gia đình vay đầu tư trên địa bàn.

### **III. GIẢI PHÁP KHÁC ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN**

#### **1. Một số giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất:**

Để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, ngay sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt cần tổ chức thực hiện đồng bộ những giải pháp sau đây:

- Thực hiện theo dõi tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất định kỳ để kịp thời phát hiện sai sót;

- Chỉ đạo các cấp, các ngành ngay từ đầu kỳ cần rà soát danh mục các công trình dự án mang tính trọng điểm, có ý nghĩa là đòn bẩy để phát triển kinh tế xã hội của địa phương, sắp xếp thứ tự ưu tiên để tiến hành đo đạc, cắm mốc, thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo từng dự án, công trình để triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án đã thực hiện nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất sẽ tiến hành đôn đốc chủ đầu tư dự án nhanh chóng hoàn thiện thủ tục giao đất theo quy định. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn các tổ chức, chủ đầu tư có công trình dự án sử dụng đất trong năm 2024 thực hiện các thủ tục về đất đai;

- Tập trung giải ngân nhanh các nguồn vốn từ ngân sách của huyện, tỉnh để sớm triển khai thực hiện các dự án trong năm 2024; Thực hiện rà soát, bổ sung chính sách thu hút đầu tư; kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp.

Thực hiện tốt công tác rà soát tiến độ dự án đầu tư công để kịp thời điều chỉnh bổ sung nguồn vốn đầu tư, tập trung giải quyết khiếu nại của người dân liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường để đẩy nhanh tiến độ dự án;

- Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đẩy mạnh hơn nữa thủ tục cải cách hành chính trong tất cả các lĩnh vực như cấp chủ trương đầu tư, cấp

giấy phép xây dựng, quy hoạch, thỏa thuận địa điểm, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đối với loại hình phát triển nông nghiệp khác: quản lý giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, hạn mức sử dụng đất; hoàn chỉnh hồ sơ đầu tư, hồ sơ liên quan đến đất đai đúng quy định đầu tư hiện hành. Ngoài ra giám sát chặt chẽ phương án sử dụng đất, đánh giá tác động môi trường để hạn chế thất thoát đất đai và nguồn lực đầu tư.

- Có chính sách để thu hút đầu tư của các tổ chức, cá nhân vào cụm công nghiệp; Bên cạnh đó, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng; ưu tiên đầu tư cho các công trình giao thông, hạ tầng thị trấn Phú Thiện phấn đấu đạt chuẩn đô thị văn minh và đô thị loại V ở mức cao (theo kế hoạch đề ra), các công trình, dự án trọng điểm tạo động lực thúc đẩy mạnh đối với sự phát triển của huyện.

- Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án lớn, có sức lan tỏa. Rà soát, bổ sung, cập nhật kịp thời các quy hoạch, kế hoạch; các quy định pháp luật, chính sách, thủ tục về đầu tư, môi trường, đất đai... để hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư, triển khai lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

- Tổ chức thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch của các ngành, các lĩnh vực có sử dụng đất trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Rà soát từng khoản thu, từng chính sách thuế để triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp khai thác tối đa nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng thuế, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, quốc phòng, quân sự địa phương; đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ.

## **2. Giải pháp thực hiện, giám sát:**

UBND tỉnh và các cấp, ngành quan tâm hơn nữa về cơ chế chính sách, hạ tầng kỹ thuật; nhằm khai thác tiềm năng đất đai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh, chính trị trên địa bàn huyện; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách

*Báo cáo thuyết minh tổng hợp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*  
của tỉnh, các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời thực hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích hoặc sử dụng đất không hiệu quả.

UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các Sở, ngành liên quan thực hiện thẩm định, nâng cao năng lực giám sát, năng lực quản lý các dự án đầu tư cấp tỉnh và các dự án khai khoáng, phát triển năng lượng.

### **2.1. UBND huyện:**

- Chỉ đạo công bố công khai và thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định.

- Chỉ đạo để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách; Đảm bảo cân đối ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo mức chi theo quy định.

Rà soát từng khoản thu, từng chính sách thuế để triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp khai thác tối đa nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng thuế, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024.

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về đất đai; trong đó lưu ý rà soát các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 03 năm trở lên, các dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất theo quy định.

- Chỉ đạo phòng ban liên quan đến dự án đầu tư thực hiện giám sát cụ thể phương án đầu tư theo kế hoạch đăng ký.

### **2.2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường các cấp:**

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Rà soát xác định các dự án chủ đầu tư không thực hiện để kịp thời thông báo, đôn đốc chủ đầu tư lập thủ tục thực hiện; trường hợp chủ đầu tư không có liên hệ thực hiện dự án thì xác định dự án không thực hiện để báo cáo điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

+ Rà soát, bổ sung, cập nhật kịp thời các quy hoạch, kế hoạch; các quy định pháp luật, chính sách, thủ tục về đầu tư, môi trường, đất đai... để hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư, triển khai lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

+ Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư có dự án đang triển khai năm 2023 và dự kiến khởi công mới 2024 khẩn trương hoàn thành mọi thủ tục có liên quan, triển khai công tác giải phóng mặt bằng.

### **2.3. Ủy ban nhân dân cấp xã:**

- UBND cấp xã tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất và niêm yết bản đồ kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở UBND cấp xã để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã, thị trấn được biết và thực hiện;

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện.

- Chủ động nắm bắt và rà soát các trường hợp thực tế có sử dụng đất trên địa bàn, báo cáo kịp thời những phát sinh, biến động trong quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương.



## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Phú Thiện đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện thẩm định, hoàn chỉnh.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xây dựng đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực. Các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 đã được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực thực hiện của các ngành, lĩnh vực xác nhận, các địa phương trực tiếp xác định nhằm đảm bảo tính khả thi. Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định các công trình, dự án, hạng mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong năm 2024, khối lượng công việc phải thực hiện nhiều hạng mục, cần sự đồng bộ, chủ động; Để thực hiện hoàn thành khối lượng công trình, dự án này cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn và nhân lực; đồng thời, phải có những giải pháp về tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tế trên địa bàn huyện.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được phê duyệt là căn cứ pháp lý để UBND huyện triển khai thực hiện các công trình dự án có sử dụng đất, thực hiện thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhằm đáp ứng mục tiêu quốc phòng an ninh, đáp ứng yêu cầu để phát triển kinh tế, xã hội, trên địa bàn huyện. UBND huyện Phú Thiện đề nghị:

- UBND tỉnh và các cấp, ngành quan tâm hơn nữa về cơ chế chính sách, hạ tầng kỹ thuật, tăng cường vốn đầu tư xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng, công cộng, công trình, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã vùng đặc biệt khó khăn.

- Đề nghị phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh xác định cho cấp huyện kịp thời để triển khai thực hiện cụ thể, đồng bộ.

- Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Thiện làm cơ sở phục vụ các ngành, lĩnh vực triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển năm 2024 trên địa bàn huyện./.

## **BIỂU SỐ LIỆU**

### **KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN PHÚ THIỆN**

1. Biểu 01/CH. Hiện trạng sử dụng đất
2. Biểu 02/CH. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước
3. Biểu 06/CH. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
4. Biểu 07/CH. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024
5. Biểu 08/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024
6. Biểu 09/CH. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng
7. Biểu 10/CH. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2024
8. Biểu 13/CH. Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol	Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + ... (14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>50.516,82</b>	<b>1.344,42</b>	<b>7.527,03</b>	<b>2.550,88</b>	<b>3.313,87</b>	<b>12.069,06</b>	<b>9.149,61</b>	<b>2.127,31</b>	<b>2.032,34</b>	<b>6.678,00</b>	<b>3.724,30</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>44.356,24</b>	<b>795,87</b>	<b>6.471,78</b>	<b>2.173,79</b>	<b>2.845,94</b>	<b>10.925,03</b>	<b>8.372,05</b>	<b>1.839,15</b>	<b>1.764,85</b>	<b>5.816,83</b>	<b>3.350,95</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.035,28	568,66	1.159,19	464,45	437,62	2.028,16	1.085,50	507,15	622,41	688,77	1.473,37
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.865,69</i>	<i>564,55</i>	<i>531,29</i>	<i>390,09</i>	<i>378,38</i>	<i>1.858,61</i>	<i>1.079,61</i>	<i>503,59</i>	<i>606,60</i>	<i>688,77</i>	<i>1.264,19</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.581,07	207,00	4.115,17	1.145,78	1.802,46	6.095,99	2.127,75	950,71	679,65	1.634,84	1.821,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.410,64	15,14	41,96	282,73	389,46	340,46	203,40	82,10	28,96	6,68	19,74
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98	-	493,39	87,80	8,27	1.050,17	2.504,13	9,23	-	15,00	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42	-	591,97	141,77	191,76	1.313,74	2.444,66	225,21	416,50	3.463,86	1,94
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.291,06</i>	<i>-</i>	<i>218,91</i>	<i>140,81</i>	<i>175,72</i>	<i>1.313,40</i>	<i>2.414,21</i>	<i>205,74</i>	<i>410,18</i>	<i>3.412,08</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,22	5,08	70,09	49,49	16,37	53,51	6,61	41,10	15,61	7,68	32,68
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	71,62	-	-	1,77	-	43,01	-	23,65	1,70	-	1,50
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.328,77</b>	<b>548,21</b>	<b>906,97</b>	<b>338,11</b>	<b>377,48</b>	<b>598,98</b>	<b>368,08</b>	<b>285,43</b>	<b>224,61</b>	<b>307,55</b>	<b>373,35</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	16,60	2,23	-	-	-	-	-	-	-	14,37	-
2.2	Đất an ninh	CAN	2,69	2,65	-	-	-	-	-	-	0,04	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,88	0,57	0,21	0,11	0,57	0,57	0,29	0,05	0,23	0,13	0,14
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	13,36	-	1,71	1,47	6,90	0,66	-	2,60	-	-	0,02
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66	-	-	-	13,34	9,32	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	56,99	-	56,63	-	-	0,26	-	-	0,10	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.714,36	129,71	570,54	157,07	114,09	245,68	125,20	101,28	87,52	71,42	111,85
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>871,17</i>	<i>88,17</i>	<i>130,58</i>	<i>72,16</i>	<i>79,18</i>	<i>181,33</i>	<i>73,91</i>	<i>71,97</i>	<i>48,34</i>	<i>44,65</i>	<i>80,87</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>677,28</i>	<i>11,94</i>	<i>425,10</i>	<i>67,81</i>	<i>20,15</i>	<i>46,22</i>	<i>31,42</i>	<i>20,95</i>	<i>21,13</i>	<i>17,19</i>	<i>15,36</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,98</i>	<i>1,78</i>	<i>-</i>	<i>0,03</i>	<i>-</i>	<i>0,15</i>	<i>0,21</i>	<i>0,47</i>	<i>0,06</i>	<i>-</i>	<i>0,28</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,60</i>	<i>3,29</i>	<i>0,34</i>	<i>0,15</i>	<i>0,14</i>	<i>0,34</i>	<i>0,32</i>	<i>0,07</i>	<i>0,26</i>	<i>0,43</i>	<i>0,27</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>48,61</i>	<i>11,87</i>	<i>6,51</i>	<i>5,72</i>	<i>2,62</i>	<i>3,23</i>	<i>5,46</i>	<i>2,74</i>	<i>2,71</i>	<i>2,79</i>	<i>4,97</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>25,34</i>	<i>7,42</i>	<i>3,32</i>	<i>2,23</i>	<i>-</i>	<i>3,34</i>	<i>2,92</i>	<i>0,49</i>	<i>1,76</i>	<i>1,90</i>	<i>1,95</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,70</i>	<i>0,02</i>	<i>0,51</i>	<i>-</i>	<i>0,02</i>	<i>0,15</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,29</i>	<i>0,02</i>	<i>0,02</i>	<i>0,04</i>	<i>0,02</i>	<i>0,03</i>	<i>0,03</i>	<i>0,02</i>	<i>-</i>	<i>0,08</i>	<i>0,04</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,54</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,54</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,72</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4,72</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>3,03</i>	<i>2,17</i>	<i>-</i>	<i>0,62</i>	<i>0,04</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,21</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol	Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + ... (14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	70,57	2,22	4,16	6,56	7,21	10,34	10,94	3,53	13,25	4,38	7,97
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	2,55	0,83	-	0,20	-	0,55	-	0,83	-	-	0,14
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93	1,24	1,69	0,86	0,44	1,27	0,53	0,83	0,23	0,34	0,49
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65	5,07	0,57	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.206,37	-	133,27	101,32	125,59	192,50	129,12	126,36	101,13	170,14	126,94
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	316,60	316,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,53	12,72	0,84	0,42	1,56	0,66	0,72	0,33	1,01	1,26	1,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17	1,56	0,38	1,55	0,41	0,99	0,24	-	0,04	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15	-	-	0,15	-	-	-	-	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89	71,64	141,13	75,16	114,58	147,07	105,83	53,07	34,32	49,89	119,22
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06	4,22	-	-	-	-	6,15	-	-	-	13,69
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	-	-	-	-	-	-	0,90	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.831,81</b>	<b>0,34</b>	<b>148,29</b>	<b>38,98</b>	<b>90,45</b>	<b>545,05</b>	<b>409,48</b>	<b>2,73</b>	<b>42,88</b>	<b>553,61</b>	<b>-</b>

BIỂU 02/CH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NĂM 2023, HUYỆN PHÚ THIÊN

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt đến năm 2023(ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>50.516,82</b>	<b>50.516,82</b>		<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>44.213,20</b>	<b>44.356,24</b>	<b>143,04</b>	<b>100,32</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.027,43	9.035,28	7,85	100,09
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.865,69</i>	<i>7.865,69</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.141,18	20.581,07	439,88	102,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.393,53	1.410,64	17,11	101,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,98	4.167,98	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,42	8.791,42	-	100,00
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>8.291,06</i>	<i>8.291,06</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,22	298,22	-	100,00
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	393,42	71,62	-321,80	18,20
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.469,12</b>	<b>4.328,77</b>	<b>-140,35</b>	<b>96,86</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	7,75	16,60	8,85	214,24
2.2	Đất an ninh	CAN	2,60	2,69	0,09	103,46
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	38,00	-	-38,00	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,84	2,88	-1,96	59,48
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,51	13,36	-3,15	80,92
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	22,66	22,66	-	100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	65,66	56,99	-8,67	86,80
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.800,86	1.714,36	-86,50	95,20
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>887,02</i>	<i>871,17</i>	<i>-15,85</i>	<i>98,21</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>678,28</i>	<i>677,28</i>	<i>-1,00</i>	<i>99,85</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,98</i>	<i>2,98</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,84</i>	<i>5,60</i>	<i>-0,24</i>	<i>95,89</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>50,19</i>	<i>48,61</i>	<i>-1,58</i>	<i>96,86</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>26,04</i>	<i>25,34</i>	<i>-0,70</i>	<i>97,31</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>65,44</i>	<i>0,70</i>	<i>-64,74</i>	<i>1,06</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,29</i>	<i>0,29</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>1,96</i>	<i>1,54</i>	<i>-0,42</i>	<i>78,56</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>4,72</i>	<i>4,72</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>5,00</i>	<i>3,03</i>	<i>-1,97</i>	<i>60,61</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>70,57</i>	<i>70,57</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>2,55</i>	<i>2,55</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,93	7,93	-	100,00

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt đến năm 2023(ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,65	5,65	-	100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.211,20	1.206,37	-4,83	99,60
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	322,79	316,60	-6,19	98,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,53	20,53	-	100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,17	5,17	-	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,15	0,15	-	100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,89	911,89	-	100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,06	24,06	-	100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	0,90	-	100,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.834,50</b>	<b>1.831,81</b>	<b>-2,69</b>	<b>99,85</b>







STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Phú Thiện	Xã Chư A Thai	Xã Ayun Hạ	Xã Ia Ake	Xã Ia Sol	Xã Ia Piar	Xã Ia Peng	Xã Chrôh Ponan	Xã Ia Hiao	Xã Ia Yeng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) +... (14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.









**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024  
HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng cấp xã	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	<b>TỔNG</b>	<b>90,87</b>	<b>0,00</b>	<b>90,87</b>				
<b>1</b>	<b>Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>	<b>1,14</b>	<b>0,00</b>	<b>0,45</b>				
<b>1.1</b>	<b>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>	<b>0,45</b>	<b>0,00</b>	<b>0,45</b>				
1	Trụ sở công an xã Ia Sol	0,18		0,18	TSC	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện
2	Trụ sở Công an xã Chrôh Ponan	0,13		0,13	TSC	Xã Chrôh Ponan	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện
3	Trụ sở công an xã Ayun Hạ	0,14		0,14	TSC	Xã Ayun Hạ	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện
4	Trụ sở Công an xã Ia Hiao	0,10		0,10	TSC	Xã Ia Hiao	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện
5	Trụ sở Công an xã Ia Piar	0,14		0,14	LUC	Xã Ia Piar	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện
<b>1.2</b>	<b>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>				
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất	0,00	0,00	0,00				
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	0,00	0,00	0,00				
<b>2</b>	<b>Các công trình, dự án còn lại</b>	<b>89,73</b>	<b>0,00</b>	<b>89,73</b>				

2.1	<i>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</i>	10,04	0,00	10,04				
6	Đường D22	0,70		0,70	HNK	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
7	Đường Trần Hưng Đạo	1,00		1,00	0,8 ha HNK, 0,2 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
8	Đường Ngô Gia Tự	0,22		0,22	0,11 ha HNK, 0,11 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
9	Đường Hàm Nghi	0,08		0,08	HNK	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện	5,00		5,00	1,5 ha HNK, 3,0 ha CLN, 0,5 ha ONT	Các xã: Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai.
11	Trường TH Ngô Quyền (địa điểm mới)	1,65		1,65	0,97 ha LUA, 0,68 ha HNK	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 189/NQ-NQHĐ ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Phú Thiện.
12	Trạm y tế xã Ia Peng	0,12		0,12	LUA	Xã Ia Peng	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 2/11/2018 của Bộ Y Tế.

13	Nhà thi đấu đa năng	1,27		1,27	HNK	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 3/3/2023 của HĐND huyện Phú Thiện; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 8/3/2023 của UBND huyện Phú Thiện.
14	Di tích Plei Ôi (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch)	2,00		2,00	0,93 ha LUA, 1,07 ha HNK	Xã A Yun Hạ	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai.
15	Đường D80	0,72		0,72	0,08 ha LUA, 0,5 ha HNK, 0,14 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai. Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
16	Đường Wừu	0,79		0,79	0,59 ha LUA, 0,2 ha CLN	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai; Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.
2.2	<b>Công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất</b>	<b>79,69</b>	<b>0,00</b>	<b>79,69</b>				
17	Trang trại chăn nuôi heo	13,71		13,71	HNK	Xã Chư A Thai	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Công ty TNHH MTV Lê Hoàng Tiến Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 128/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh
18	Trang trại chăn nuôi heo	12,44		12,44	HNK	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Công ty CP Green Farm Việt Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 124/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh
19	Trang trại chăn nuôi heo	22,20		22,20	HNK	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi PTH Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 336/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh
20	Trang trại chăn nuôi heo	20,00		20,00	HNK	Xã Ia Peng	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bảo Ngọc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 39/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh
21	Chuyển mục đích sử dụng đất tại Thị trấn Phú Thiện (các vị trí xen cư)	0,53		0,53	0.38 ha HNK, 0.15 ha NTS	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	



22	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Chư A Thai (các vị trí xen cư)	0,31		0,31	0.18 ha HNK, 0.11 ha CLN, 0.02 ha NTS	Xã Chư Athai	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
23	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ayun Hạ (các vị trí xen cư)	0,37		0,37	0.29 ha HNK, 0.08 ha NTS	Xã A Yun Hạ	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
24	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Ake (các vị trí xen cư)	0,10		0,10	HNK	Xã Ia Ake	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
25	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Sol (các vị trí xen cư)	0,50		0,50	0.1 ha HNK, 0.4 ha CLN	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
26	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Piar (các vị trí xen cư)	0,11		0,11	0.08 ha HNK, 0.03 ha CLN	Xã Ia Piar	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
27	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Peng (các vị trí xen cư)	0,32		0,32	0.18 ha HNK, 0.14 ha CLN	Xã Ia Peng	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
28	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Chrôh Ponan (các vị trí xen cư)	0,60		0,60	0.4 ha HNK, 0.2 ha CLN	Xã Chrôh Ponan	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
29	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Yeng (các vị trí xen cư)	0,18		0,18	0.15 ha HNK, 0.03 ha CLN	Xã Ia Yeng	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
30	Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Ia Hiao (các vị trí xen cư)	0,17		0,17	HNK	Xã Ia Hiao	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
31	Mặt bằng sân công nghiệp nhà máy gạch Tuynel	1,15		1,15	HNK	Xã Chư Athai	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Giấy phép khai thác khoáng sản số 743/GP-UBND ngày 23/10/2017 do UBND tỉnh Gia Lai cấp.
32	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50		0,50	HNK	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Giấy phép khai thác khoáng sản số 298/GP-UBND ngày 2/7/2020 do UBND tỉnh Gia Lai cấp.
33	Mặt bằng sân công nghiệp, bãi chứa của mỏ cát xây dựng	0,50		0,50	HNK	Xã Ia Peng	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Giấy phép khai thác khoáng sản số 485/GP-UBND ngày 19/10/2018 do UBND tỉnh Gia Lai cấp.
34	Mặt bằng sân công nghiệp và bãi chứa đá Granit của	6,00		6,00	HNK	Xã Ia Ake	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 9/4/2011 của UBND tỉnh Gia Lai.
<b>2.3</b>	<b>Các khu vực sử dụng đất khác</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>				
35	Khu dân cư Khu Trung tâm hành chính huyện (Đầu giá đất 0,43 ha và bố trí tái định cư 0,43 ha)	0,86	0,86	0,00	ODT	Thị trấn Phú Thiện	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
36	Khu dân cư thôn Thanh Thượng, xã Ayun Hạ	0,04	0,04	0,00	ONT	Xã A Yun Hạ	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
37	Khu Dân cư xã Ayun hạ (thuộc đất 15 hộ dân cấp sai thẩm quyền)	0,70	0,70	0,00	ONT	Xã Ayun Hạ	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	

38	Khu dân cư thôn Thắng Lợi (15 lô đất tại thôn Thắng Lợi, xã Ia Sol)	0,40	0,40	0,00	ONT	Xã Ia Sol	Bản đồ KH SD đất 2024 - Phú Thiện	
----	---	------	------	------	-----	-----------	-----------------------------------	--

